

Số: 289 /QĐ-CDYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả rèn luyện cho học sinh, sinh viên  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương  
Học kỳ I - Năm học 2025 – 2026

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTĐ ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan chủ quản của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thành Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới);

Quyết định số 479/QĐ-CDYT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-CDYT ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường Cao đẳng Y tế Bình Dương;

Căn cứ Biên bản họp số 277/BB-CDYT ngày 15/4/2026 của Hội đồng đánh giá xét điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Y tế Bình Dương;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác học sinh - sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả điểm rèn luyện học kỳ I, năm học 2025 – 2026 cho 1.408 sinh viên.

Trong đó: Xuất sắc: 267 (19.0%); Tốt: 510 (36.2%); Khá: 515 (36.6%); Trung bình: 116 (8.2%); Yếu: 0 (0%) (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các Khoa, Giáo viên chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo kết quả điểm rèn luyện học kỳ I cho sinh viên ngay sau khi có Quyết định công nhận kết quả điểm rèn luyện.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng CTHSSV, các Khoa, GVCN và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CTHSSV.



**Q. HIỆU TRƯỞNG**

NGUYỄN VĂN TÍNH

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1**

**Năm học: 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định: 280 /QĐ-CĐYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	Lớp	Tổng số HSSV	Xếp loại				
			Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	CĐDD 18A	87	6	24	39	18	0
2	CĐDD 18B	84	18	35	26	5	0
3	CĐDD 18C	108	8	24	57	19	0
4	CĐDD 17A	80	19	32	28	1	0
5	CĐDD 17B	89	19	34	29	7	0
6	CĐDD 17C	91	13	70	7	1	0
7	CĐDD 16A1	29	3	9	16	1	0
8	CĐDD 16A2	29	2	14	12	1	0
9	CĐDD 16A3	28	6	10	12	0	0
10	CĐDD 16B1	25	11	5	8	1	0
11	CĐDD 16B2	29	3	10	14	2	0
12	CĐHS 13	10	7	3	0	0	0
13	CĐHS 14	52	35	12	4	1	0
14	CĐHS 15	42	8	10	21	3	0
15	CĐYSĐK 1	97	10	11	49	27	0
16	CĐYSĐK 2	100	17	49	30	4	0
17	CĐ Dược 13A1	28	6	5	13	4	0
18	CĐ Dược 13A2	27	3	8	14	2	0
19	CĐ Dược 13A3	28	3	10	15	0	0
20	CĐ Dược 13B1	25	14	8	3	0	0
21	CĐ Dược 13B2	30	3	15	11	1	0
22	CĐ Dược 13B3	29	6	11	8	4	0
23	CĐ Dược 13C1	29	8	10	7	4	0
24	CĐ Dược 13C2	28	10	6	7	5	0
25	CĐ Dược 13C3	29	4	11	9	5	0
26	CĐ Dược 14A1	27	3	15	9	0	0
27	CĐ Dược 14A2	25	6	14	5	0	0
28	CĐ Dược 14A3	29	4	14	11	0	0
29	CĐ Dược 14B1	27	4	3	19	1	0
30	CĐ Dược 14B2	25	2	10	12	1	0
31	CĐ Dược 14B3	27	5	10	12	0	0
32	CĐ Dược 14C1	26	4	6	13	3	0
33	CĐ Dược 14C2	27	3	4	15	5	0
34	CĐ Dược 15A1	30	0	7	17	6	0
35	CĐ Dược 15A2	29	0	4	16	9	0
36	CĐ Dược 15A3	30	0	2	14	14	0
37	CĐ Dược 15B1	29	4	11	14	0	0
38	CĐ Dược 15B2	26	6	16	3	1	0

39	CĐ Dược 15B3	27	0	15	10	2	0
40	CĐ Dược 15C1	28	6	14	8	0	0
41	CĐ Dược 15C2	25	6	5	14	0	0
42	CĐ Dược 15C3	17	4	7	6	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>1,408</b>	<b>267</b>	<b>510</b>	<b>515</b>	<b>116</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		100	19.0	36.2	36.6	8.2	0.0

STT	Lớp	Tổng số HSSV	Xếp loại				
			Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	42	1,408	267	510	515	116	0
		100	19.0	36.2	36.6	8.2	0.0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



*[Handwritten signature]*

Tông Văn Nam

*[Handwritten signature]*

Đỗ Thị Thu Phương

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13A1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112011116	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh		22	25	11	10	68	TB
2	23112011006	Trang Hiếu	Đan		27	25	16	10	78	Khá
3	23112010625	Nguyễn Hoàng Phương	Đạt		28	25	25	13	91	XS
4	23112010591	Nguyễn Hoàng	Dung	LP	28	25	25	20	98	XS
5	23112011151	Dương Văn	Giỏi		25	25	12	10	72	Khá
6	23112010637	Châu Thị Kim	Hường		28	25	16	10	79	Khá
7	23112010475	Đoàn Võ Huế	Lam		28	25	25	13	91	XS
8	23112010626	Trần Thị Thuý	Linh	LP	28	25	15	18	86	Tốt
9	23112010639	Lê Trần Diệu	Linh		28	25	22	12	87	Tốt
10	23112010643	Nguyễn Thị Phương	Linh		24	25	15	10	74	Khá
11	23112010627	Lê Hoàng	Lương		25	25	13	10	73	Khá
12	23112010415	Nguyễn Từ Đức	Minh	LT	28	25	15	20	88	Tốt
13	23111010861	Nguyễn Thị	Ngân	UV	28	25	15	15	83	Tốt
14	23112010619	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		19	25	11	10	65	TB
15	23111011014	Hồ Hạnh	Nguyên		26	25	15	10	76	Khá
16	23112010592	Trương Thị Minh	Nguyệt	BT	28	25	25	20	98	XS
17	23111010412	Nguyễn Thành	Nhân		28	25	22	12	87	Tốt
18	23112010647	Huỳnh Hồ Ái	Nhân		28	25	14	10	77	Khá
19	23112010461	Lê Thành	Phú		27	25	16	10	78	Khá
20	23112010603	Nguyễn Thị Bích	Phương		28	25	24	13	90	XS
21	23112010596	Lê Thị	Quỳnh		20	25	12	10	67	TB
22	23112010622	Lê Thị Phương	Thảo		28	25	25	13	91	XS
23	23112010612	Nguyễn Quỳnh Minh	Thư		19	25	13	10	67	TB
24	23112010614	Trương Đỗ Anh	Thư		28	25	15	10	78	Khá
25	23111010130	Trần Thị Ngọc	Tiên		28	25	14	10	77	Khá
26	23112010648	Phan Thị Anh	Trang		26	25	12	10	73	Khá
27	23112010644	Trần Nguyễn Thảo	Vy		28	25	15	10	78	Khá
28	23122010563	Nguyễn Minh	Vy		27	25	17	10	79	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	6	21%
Tốt	5	18%
Khá	13	46%
TB	4	14%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
<b>TỔNG</b>	<b>28</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tông Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13A2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường

Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010727	Nguyễn Trọng	Ân		24	25	12	10	71	Khá
2	23112010417	Lê Thị Loan	Anh		28	25	21	12	86	Tốt
3	23112010721	Trần Mai	Anh		26	25	17	10	78	Khá
4	23112011038	Nguyễn Thị Phương	Anh		28	25	16	10	79	Khá
5	23112011117	Phạm Thị Phương	Du	LP	28	25	15	18	86	Tốt
6	23112010744	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương		28	25	21	17	91	XS
7	23112010718	Trịnh Thị	Hà		28	25	17	10	80	Tốt
8	23112010920	Nguyễn Lê Thanh	Hà		28	25	19	10	82	Tốt
9	23112010610	Huỳnh Thị Thuý	Hằng		24	25	13	10	72	Khá
10	22112010736	Lê Thị	Hồng		28	25	25	13	91	XS
11	23112010633	Lê Huỳnh	Hương		28	25	15	10	78	Khá
12	23112011082	Đinh Thị Mỹ	Huyền		26	25	13	10	74	Khá
13	23112011164	Nguyễn Thị Kim	Ngân		22	25	11	10	68	TB
14	23112010411	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi		28	25	14	10	77	Khá
15	23112010649	Nguyễn Thanh	Nhi		28	25	18	10	81	Tốt
16	23112011036	Đàm Yến	Nhi		27	25	13	10	75	Khá
17	23112010700	Trương Tấn	Phát		19	25	13	10	67	TB
18	23112010623	Bùi Minh	Phương		28	25	19	10	82	Tốt
19	23112010641	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		28	25	14	10	77	Khá
20	23112010708	Chung Thị Thanh	Thanh		26	25	15	10	76	Khá
21	23112010995	Đoàn Huỳnh	Thư		28	25	12	10	75	Khá
22	23112011011	Huỳnh Bảo	Tiên		28	25	15	10	78	Khá
23	23112011073	Nguyễn Thị Thuý	Tiên		28	25	14	10	77	Khá
24	23112010683	Nguyễn Quách Bảo	Trân		24	25	15	10	74	Khá
25	23111010739	Ngô Thị Thanh	Viên	PBT	27	25	14	18	84	Tốt
26	23112010742	Hà Thị Thảo	Vy	LP	28	25	13	18	84	Tốt
27	23112010672	Lê Thị Cẩm	Xuyên	LT	28	25	17	20	90	XS

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	3	11%
Tốt	8	30%
Khá	14	52%
TB	2	7%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13A3**

(Kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 4 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010783	Phạm Vũ Phương	Anh		28	25	17	10	80	Tốt
2	23112010670	Lê Thị Mỹ	Diệu	LPHT	28	25	22	20	95	XS
3	23112010691	Võ Thị Ngọc	Diệu		28	25	19	10	82	Tốt
4	23112010725	Bùi Thanh	Hà		26	25	15	10	76	Khá
5	23112010675	Huỳnh Chí	Hào		27	25	20	12	84	Tốt
6	23112010969	Thái Thị Thu	Hiền	LPĐS	28	25	19	18	90	XS
7	23112010847	Nguyễn Thuỳ	Linh		24	25	16	10	75	Khá
8	23112011091	Phạm Thuỳ	Linh	UV	28	25	18	15	86	Tốt
9	23112010696	Nguyễn Trà	My		26	25	17	10	78	Khá
10	23112010669	Phạm Bảo	Nhi		28	25	15	10	78	Khá
11	23112010733	Lê Kim	Nhi		28	25	14	10	77	Khá
12	23112010754	Lê Hoàng Yến	Nhi		28	25	19	10	82	Tốt
13	23112010962	Nguyễn Thị Yến	Nhi	LT	28	25	19	20	92	XS
14	23112011023	Huỳnh Tâm	Như		28	25	20	12	85	Tốt
15	23112010732	Trình Thị	Oanh		28	25	15	10	78	Khá
16	23112010677	Phạm Hoàng	Sang		24	25	15	10	74	Khá
17	23112010785	Hà Thị Phương	Thanh		28	25	13	10	76	Khá
18	23112011138	Phạm Đỗ Tâm	Thanh		27	25	15	10	77	Khá
19	23112010668	Bùi Trung	Thành		28	25	18	10	81	Tốt
20	23112010741	Phạm Thị Thanh	Thảo		25	25	16	10	76	Khá
21	23112010789	Mai Thị Thanh	Thu	UV	28	25	16	15	84	Tốt
22	23112010663	Phan Minh	Thư		28	25	14	10	77	Khá
23	23112010786	Nguyễn Thị Anh	Thư		28	25	12	10	75	Khá
24	23112010774	Đoàn Ngọc Phương	Trang		28	25	17	10	80	Tốt
25	23112010796	Châu Minh	Trí		28	25	19	10	82	Tốt
26	23112010697	Trần Thị Thanh	Trúc		26	25	18	10	79	Khá
27	22112010842	Nguyễn Văn	Tùng		24	25	17	10	76	Khá
28	23112010787	Hoàng Thị Thanh	Vân		27	25	12	10	74	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	3	11%
Tốt	10	36%
Khá	15	54%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	28	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**QU HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

3

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026****LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13B1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 4 năm 2026 Của Hiệu Trường

Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010550	Nguyễn Ngọc Hà	An	UV	28	25	25	17	95	XS
2	23112010831	Trần Ngọc	Ánh	UV	28	25	25	18	96	XS
3	23112010621	Lê Thái	Bình		28	25	25	12	90	XS
4	23112010881	Lê Nhân	Đạt		28	25	25	13	91	XS
5	23112010471	Nguyễn Trung	Đức		26	25	16	13	80	Tốt
6	23112011095	Nguyễn Ngọc	Hân	LPHT	30	25	25	20	100	XS
7	23112010745	Trần Ngọc	Hoa		28	25	19	10	82	Tốt
8	23112011166	Nguyễn Hiền	Lương		28	25	16	11	80	Tốt
9	23112011037	Trần Tông Tiểu	My		28	25	16	11	80	Tốt
10	23112011069	Đinh Hà Như	Ngọc	PBT	28	25	25	20	98	XS
11	23112010815	Nguyễn Yên	Nhi		28	25	25	15	93	XS
12	23112010427	Phan Thị Ngọc	Như		26	25	16	9	76	Khá
13	23112010818	Trần Thiên Kim	Như		26	25	22	12	85	Tốt
14	23112011123	Văn Thị Quế	Như		26	25	18	9	78	Khá
15	23112010840	Đoàn Gia Bảo	Phúc		26	25	15	10	76	Khá
16	23112010850	Dương Thị Mai	Phương		28	25	25	12	90	XS
17	23112010809	Bùi Ngọc	Quý		28	25	21	12	86	Tốt
18	23112010861	Lê Thị Như	Quỳnh		28	25	18	12	83	Tốt
19	23112010424	Nguyễn Thị Thảo	Sương		28	25	25	13	91	XS
20	23112010679	Trịnh Đăng	Thi	BT	28	25	25	20	98	XS
21	23112010784	Trương Thị Minh	Thư		28	25	25	12	90	XS
22	23112010814	Bùi Đăng Minh	Trâm	LT	30	25	25	20	100	XS
23	23112010849	Châu Thị Thùy	Trâm		28	25	25	13	91	XS
24	23112010693	Lê Tường	Vi	LPĐS	26	25	20	19	90	XS
25	23112011033	Nguyễn Anh Nhật	Ý		28	25	22	12	87	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	14	56%
Tốt	8	32%
Khá	3	12%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	25	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

TP. CTHSSV

Tổng Văn Nam

Người tổng hợp

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13B2**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010892	Nguyễn Trung Kiên	Cường		28	25	22	12	87	Tốt
2	23112010949	Đỗ Thị Thuý	Diễm		26	25	17	10	78	Khá
3	23112010800	Lâm Tiến	Đạt		26	25	15	9	75	Khá
4	23112011083	Nguyễn Đức	Lâm		16	25	11	9	61	TB
5	23112010720	Đào Thị Thuý	Linh		28	25	18	9	80	Tốt
6	23112010899	Nguyễn Thị Trúc	Linh		26	25	14	10	75	Khá
7	23112010793	Trần Tấn	Lộc		26	25	21	11	83	Tốt
8	23112010802	Nguyễn Trúc	Mai		28	25	16	7	76	Khá
9	23112011148	Nguyễn Nhật	Minh		28	25	16	11	80	Tốt
10	23112010761	Lê Thị Kiều	My		28	25	16	11	80	Tốt
11	23112010684	Đình Trọng Hoài	Nam		28	25	19	11	83	Tốt
12	23112010690	Lê Thị Ngọc	Ngân		26	25	22	8	81	Tốt
13	23112010794	Tông Thị Kim	Ngân	LPHT	28	25	25	18	96	XS
14	23112010798	Mai Thị Tuyết	Ngọc		28	25	15	12	80	Tốt
15	23112010895	Lê Hồng	Ngọc		26	25	14	9	74	Khá
16	23112010688	Vũ Lê Hồng	Nhật		28	25	23	7	83	Tốt
17	23112010898	Phạm Thị	Nhung	LT	28	25	25	20	98	XS
18	23112010801	Trần Hiếu Anh	Thi		28	25	21	10	84	Tốt
19	23112010685	Nguyễn Trần Anh	Thư		28	25	18	9	80	Tốt
20	23112011100	Hà Thị	Thư		28	25	16	7	76	Khá
21	23112010687	Nguyễn Thị Ngọc	Thương		26	25	16	7	74	Khá
22	23112010686	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		28	25	14	7	74	Khá
23	23112010889	Nguyễn Thảo	Trâm		28	25	15	7	75	Khá
24	23112010752	Lê Thùy	Trang		28	25	24	8	85	Tốt
25	23112010896	Trương Thị Ngọc	Trúc		28	25	23	9	85	Tốt
26	23112010753	Phạm Thị Kim	Tuyền		28	25	24	8	85	Tốt
27	23112010823	Bùi Ngọc Thanh	Tuyền		28	25	19	8	80	Tốt
28	23112010799	Nguyễn Thị Như	Ý	LPĐS	26	25	20	19	90	XS
29	23112011162	Nguyễn Thị Như	Ý		26	25	12	7	70	Khá
30	22112010698	Huỳnh Hoàng	Yên		28	25	16	7	76	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	3	10.0%
Tốt	15	50.0%
Khá	11	36.7%
TB	1	3.3%
Yếu	0	0.0%
Kém	0	0.0%
Tổng	30	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



Tổng Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13B3**

(Kèm theo Quyết định số 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010917	Nguyễn Thành	Đạt	LPĐS	28	25	25	19	97	XS
2	23112010882	Huỳnh Hồng	Diễm		26	25	14	7	72	Khá
3	23112010667	Phan Mỹ	Hạ		22	25	18	8	73	Khá
4	23112010915	Nguyễn Gia	Hân	UV	28	25	25	17	95	XS
5	23112010906	Nguyễn Trúc	Linh		28	25	25	9	87	Tốt
6	23112010926	Đỗ Thị Yên	Nhi		21	25	12	9	67	TB
7	23112010416	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		23	25	18	9	75	Khá
8	23112010931	Trương Thị Quỳnh	Như		28	25	24	9	86	Tốt
9	23112011035	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		28	25	18	9	80	Tốt
10	23112010909	Nguyễn Thị	Oanh		26	25	15	7	73	Khá
11	23112010907	Huỳnh Thị Hà	Phương	LPHT	28	25	25	19	97	XS
12	23112010778	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		24	25	13	9	71	Khá
13	23112010879	Trần Thị Diễm	Quỳnh		28	25	20	9	82	Tốt
14	23112010912	Phạm Thị Mỹ	Tâm		28	25	25	12	90	XS
15	23112010671	Võ Thị Anh	Thư		17	25	13	7	62	TB
16	23112010928	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tiên		28	25	18	9	80	Tốt
17	23112010707	Nguyễn Thị	Tiến		28	25	25	9	87	Tốt
18	23112010819	Hoàng Nguyễn Thanh	Trà		28	25	18	9	80	Tốt
19	23112010901	Nguyễn Thanh	Trà		28	25	18	9	80	Tốt
20	23112010927	Hoàng Thị Ngọc	Trâm		28	25	15	7	75	Khá
21	23112010470	Trần Ngọc	Trân		28	25	20	9	82	Tốt
22	23112010852	Trần Thái Phương	Trang		28	25	21	8	82	Tốt
23	23112011147	Lê Thị Thanh	Tuyền		23	25	13	7	68	TB
24	23112010613	Ngô Ngọc Lan	Uyên		24	25	11	8	68	TB
25	23112010929	Nguyễn Thị Tiên	Vân		28	25	25	13	91	XS
26	23112010820	Nguyễn Thị Thu	Yên		28	25	24	9	86	Tốt
27	23112010827	Lê Thị	Yên		24	25	13	8	70	Khá
28	23112010913	Nguyễn Ngọc Hải	Yên	LT	28	25	25	20	98	XS
29	23112010624	Phương Thanh	Thảo		24	25	20	9	78	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
<b>XS</b>	6	20.7%
<b>Tốt</b>	11	37.9%
<b>Khá</b>	8	27.6%
<b>TB</b>	4	13.8%
<b>Yếu</b>	0	0.0%
<b>Kém</b>	0	0.0%
<b>Tổng</b>	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**O. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13C1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4		
1	23112011099	Trương Thị Ngọc	Bích	LP	28	25	23	20	96	XS
2	23112010935	Thân Thị Giang	Bình		24	25	14	6	69	TB
3	23112010876	Bùi Quang	Châu		26	25	19	10	80	Tốt
4	23112011040	Lê Huỳnh Thanh	Cúc		24	25	24	15	88	Tốt
5	23112010666	Phan Thị Trúc	Giang		24	25	14	6	69	TB
6	23112011000	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		23	25	21	11	80	Tốt
7	22112010462	Nguyễn Vũ	Hào		22	25	14	6	67	TB
8	23112010835	Nguyễn Bảo Gia	Huy		24	25	19	10	78	Khá
9	23112010972	Trần Thị	Lệ		26	25	20	11	82	Tốt
10	23112010992	Đặng Thị Mỹ	Linh		26	25	18	9	78	Khá
11	23112010689	Lê Thị Mỹ	Ngọc		23	25	17	7	72	Khá
12	23112010942	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		26	25	25	15	91	XS
13	23112010885	Lê Thị Yên	Nhi		28	25	22	12	87	Tốt
14	23112010933	Lê Ngọc Yến	Nhi		18	25	16	6	65	TB
15	23112010938	Lý Hồng	Nhiên	TT	28	25	22	17	92	XS
16	23112010736	Võ Thị Quỳnh	Như		26	25	19	10	80	Tốt
17	23112010964	Trương Thị Tuyết	Nhung		24	25	22	12	83	Tốt
18	23112010985	Nguyễn Thị Bích	Phượng		28	25	19	10	82	Tốt
19	23112010770	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		26	25	24	15	90	XS
20	23112010947	Lê Nguyễn Hồng	Thắm	LP	22	25	20	15	82	Tốt
21	23112010978	Trịnh Thị	Thanh	TT	28	25	23	19	95	XS
22	23111010705	Hồ Minh	Thảo	TT	28	25	21	16	90	XS
23	23112011129	Nguyễn Thị Xuân	Thu		26	25	18	9	78	Khá
24	23112010834	Nguyễn Thị Ngọc	Thư		23	25	19	10	77	Khá
25	23112011107	Lê Thị Anh	Thư		23	25	20	11	79	Khá
26	23112010951	Lê Thị Hoài	Thương		24	25	18	9	76	Khá
27	23112010987	Lê Quang	Tính	LT	28	25	22	20	95	XS
28	23112010842	Lê Thị Huyền	Trang		28	25	20	11	84	Tốt
29	23112010937	Đỗ Thị Yên	Vy		28	25	25	15	93	XS

Loại	SL	%
XS	8	28%
Tốt	10	34%
Khá	7	24%
TB	4	14%
Yếu	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 13C2**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND1	ND2	ND3	ND4		
1	23112011032	Bùi Tú	Anh		28	25	20	11	84	Tốt
2	23112010994	Lê Ngọc	Châu		24	25	16	6	71	Khá
3	23112011015	Võ Thị	Diệu	UV	28	25	25	20	98	XS
4	23112010748	Nguyễn Thị Trường	Duy	LP	21	25	22	16	84	Tốt
5	23112010593	Trần Thu	Hà	UV	28	25	25	20	98	XS
6	23112010846	Nguyễn Thị Thu	Hiền		28	25	25	15	93	XS
7	23112011053	Trương Thị Thu	Hiền		28	25	14	6	73	Khá
8	23112010716	Đoàn Lý Quốc	Khánh		24	25	14	6	69	TB
9	23112010590	Lê Anh	Kiệt		28	25	15	6	74	Khá
10	23112011017	Trần Thị Ngọc	Linh		20	25	21	11	77	Khá
11	23112011111	Nguyễn Thị Khánh	Linh		22	25	14	6	67	TB
12	23112010706	Huỳnh Tấn	Lộc	LP	28	25	21	19	93	XS
13	23112011019	Hồ Kim	Ngân		23	25	21	11	80	Tốt
14	23112010968	Vương Thị Tú	Nhi	TT	26	25	25	20	96	XS
15	23112011134	Nông Yên	Nhuy		21	25	16	6	68	TB
16	23112010723	Huỳnh Thanh Trúc	Phương		28	25	20	11	84	Tốt
17	23112011051	Trần Minh	Quân		19	25	14	6	64	TB
18	23112010993	Nguyễn Sỹ	Son		21	25	14	6	66	TB
19	23112011068	Vũ Đình	Tân	LT	28	25	25	20	98	XS
20	23112010869	Nguyễn Thanh	Thảo		28	25	17	7	77	Khá
21	23112011078	Hà Trương	Thùy	UV	28	25	25	20	98	XS
22	23112010126	Cầm	Tiên	TT	28	25	21	16	90	XS
23	23112010990	Nguyễn Mạnh	Tiến		28	25	20	11	84	Tốt
24	23112011030	Thị	Truyền		28	25	18	7	78	Khá
25	23112011002	Đặng Thị Thuý	Vân		28	25	20	11	84	Tốt
26	23112011016	Nguyễn Thị Bích	Vân	TT	28	25	25	20	98	XS
27	23112010997	Nguyễn Ánh	Vy	BT	28	25	25	20	98	XS
28	23112011031	Thị	Xuân		26	25	16	6	73	Khá

Loại	SL	%
XS	10	36%
Tốt	6	21%
Khá	7	25%
TB	5	18%
Yếu	0	0%
Tổng	28	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**TP. CTHSSV**

Tống Văn Nam

**Người tổng hợp**

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỠC 13C3**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND1	ND2	ND3	ND4		
1	23112010646	Lý Huỳnh Ngân	Châu		19	25	17	7	68	TB
2	23112011012	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm		26	25	21	11	83	Tốt
3	23112010717	Nguyễn Thu	Dương		24	25	18	9	76	Khá
4	23112011042	Hồ Huỳnh Nguyên	Hào		28	25	19	10	82	Tốt
5	23112010682	Nguyễn Thị Thu	Hiền		28	25	17	7	77	Khá
6	23112011048	Phạm Thị Minh	Hoà		26	25	21	11	83	Tốt
7	23112010631	Phạm Thị	Hồng		28	25	19	10	82	Tốt
8	23112011047	Lưu Mỹ	Linh		28	25	25	15	93	XS
9	23112010943	Nguyễn Thị Mai	Linh		28	25	21	11	85	Tốt
10	23112010817	Phạm Vũ Ngọc	Minh	LP	28	25	23	20	96	XS
11	23112011131	Nguyễn Hà	My		26	25	16	6	73	Khá
12	23112010657	Võ Thị Trung	Nam		28	25	15	6	74	Khá
13	23112010918	Nguyễn Thanh	Ngân		28	25	17	7	77	Khá
14	23112010576	Lê Thị Bích	Ngọc	TT	27	25	23	19	94	XS
15	23112011064	Trần Thị	Ngọc		22	25	14	6	67	TB
16	23112011039	Lăng Minh	Nhật		23	25	13	6	67	TB
17	23112010617	Đinh Thị Huyền	Nhi		24	25	18	9	76	Khá
18	23112011049	Mai Trường Ái	Nhi		24	25	18	9	76	Khá
19	23112011070	Nguyễn Hồng	Phát		19	25	14	6	64	TB
20	23112011087	Phạm Ngọc Kiều	Phương	LT	28	25	16	16	85	Tốt
21	23112011086	Nguyễn Thị Thanh	Thi		28	25	22	12	87	Tốt
22	23112010629	Nguyễn Minh	Thư	PBT	26	25	25	20	96	XS
23	23112011034	Đặng Đỗ Minh	Thư		26	25	15	6	72	Khá
24	23112010822	Hoàng Thị Như	Thúy		28	25	20	11	84	Tốt
25	23112010872	Phạm Thị Thu	Trang	TT	28	25	19	15	87	Tốt
26	23112010986	Đỗ Thị Hà	Trang	TT	28	25	20	16	89	Tốt
27	23112010766	Lê Thị Thùy	Trang		28	25	20	11	84	Tốt
28	23112011045	Vũ Thị Thanh	Xuân	LP	26	25	14	14	79	Khá
29	23112011054	Dương Thị	Yến		20	25	15	6	66	TB

Loại	SL	%
XS	4	14%
Tốt	11	38%
Khá	9	31%
TB	5	17%
Yếu	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14A1**

theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trưởng  
(Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24112010353	Nguyễn Kiều	Ni		26	25	15	14	80	Tốt
2	24112010360	Nguyễn Ngọc Anh	Thư		24	25	15	11	75	Khá
3	24112010362	Nguyễn Nhật	Hào	LP	28	25	23	18	94	XS
4	24112010369	Nguyễn Hiếu Bảo	Ngọc		26	25	17	12	80	Tốt
5	24112010370	Phạm Thanh	Tiền		24	25	15	12	76	Khá
6	24112010374	Lê Ngọc Hoài	Nam	LP	24	25	19	19	87	Tốt
7	24112010386	Nguyễn Thị Thu	Hà		26	25	19	11	81	Tốt
8	24112010397	Mai Thị	Nhung		23	25	17	12	77	Khá
9	24112010406	Nguyễn Thảo	My		26	25	19	11	81	Tốt
10	24112010410	Trần Thị Xuân	Đào	LT	28	25	21	20	94	XS
11	24112010414	Lê Trung	Hiếu		26	25	15	11	77	Khá
12	24112010428	Lê Thị Cẩm	Thu		28	25	17	11	81	Tốt
13	24112010434	Phạm Mai	Thông		24	25	17	12	78	Khá
14	24112010437	Phan Thị Khánh	Linh		28	25	21	16	90	XS
15	24112010438	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		26	25	17	12	80	Tốt
16	24112010444	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương		26	25	15	10	76	Khá
17	24112010447	Lê Bảo	Trâm		28	25	17	11	81	Tốt
18	24112010454	Đinh Kiều Thanh	Thúy		26	25	21	11	83	Tốt
19	24112010455	Nguyễn Huỳnh Nhã	Quyên		22	25	15	10	72	Khá
20	24112010456	Nguyễn Ngọc	Anh		26	25	19	12	82	Tốt
21	24112010462	Nguyễn Thu	Thanh		28	25	15	12	80	Tốt
22	24112010475	Đặng Hoàng	Phúc		24	25	15	12	76	Khá
23	24112010478	Lê Thị Mỹ	Lệ		28	25	19	12	84	Tốt
24	24112010482	Trần Thị Diệu	Huyền		26	25	17	12	80	Tốt
25	24112010781	Nguyễn Anh	Tài		21	25	17	12	75	Khá
26	24112010807	Huỳnh Anh	Thư		28	25	17	12	82	Tốt
27	24112010816	Nguyễn Trần Ngọc	Như		26	25	17	12	80	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	3	11%
Tốt	15	56%
Khá	9	33%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Q.HIỆU TRƯỞNG

TP. CTHSSV

Người tổng hợp



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026****LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14A2***(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường**Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)*

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24112010069	Trương Thành	An		19	25	15	11	70	Khá
2	24112010077	Lê Thị	Phuong		24	25	17	13	79	Khá
3	24112010092	Lê Hồng	My	PBT	28	25	21	20	94	XS
4	24112010165	Nguyễn Tấn	Duy	UV	30	25	23	20	98	XS
5	24112010169	Phạm Hoài	Thương		28	25	17	12	82	Tốt
6	24112010211	Mai Ngọc	Ánh		26	25	17	12	80	Tốt
7	24112010212	Cao Thị Oanh	Trâm		24	25	19	12	80	Tốt
8	24112010228	Lê Mạnh	Tuấn	LP	26	25	17	19	87	Tốt
9	24112010249	Võ Đặng Ánh	Linh		25	25	19	12	81	Tốt
10	24112010253	Trương Thị Thanh	Thùy		27	25	19	11	82	Tốt
11	24112010257	Nguyễn Ngọc Bảo	Lam	LT	28	25	23	20	96	XS
12	24112010263	Nguyễn Thuý	Duy		28	25	19	11	83	Tốt
13	24112010270	Mai Thị Thanh	Nguyệt	LP	24	25	23	20	92	XS
14	24112010273	Huỳnh Thuý	Vy		21	25	17	11	74	Khá
15	24112010274	Nguyễn Huỳnh	Thương		24	25	21	12	82	Tốt
16	24112010275	Phạm Thị Hà	Ly		28	25	19	12	84	Tốt
17	24112010279	Trần Ngọc Hải	Yến		24	25	17	12	78	Khá
18	24112010282	Nguyễn Thiệu Ngọc	Linh		26	25	17	13	81	Tốt
19	24112010302	Nguyễn Thị Thu	Hà	UV	28	25	21	17	91	XS
20	24112010305	Lê Thị Thanh	Nhàn	UV	27	25	19	19	90	XS
21	24112010317	Lê Thị Mỹ	Luân		28	25	17	11	81	Tốt
22	24112010331	Trần Thị Ngọc	Huệ		23	25	17	11	76	Khá
23	24112010337	Dương Thị Quỳnh	Như		26	25	17	12	80	Tốt
24	24112010342	Trần Ngọc Ánh	Lê		24	25	21	11	81	Tốt
25	24112010847	Huỳnh Yến	Vi		24	25	21	12	82	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	6	24%
Tốt	14	56%
Khá	5	20%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	25	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Ô. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tông Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14A3**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24111010344	Tổng Như	Quỳnh		21	25	15	11	72	Khá
2	24112010060	Đoàn Văn	Tường	LP	28	25	17	20	90	XS
3	24112010065	Vương Trường	Như	LP	29	25	23	17	94	XS
4	24112010512	Nguyễn Thị Thuý	An		28	25	19	10	82	Tốt
5	24112010522	Phạm Thị Hải	Yến		19	25	16	11	71	Khá
6	24112010526	Đoàn Thị Xuân	Mai		26	25	15	10	76	Khá
7	24112010529	Hồ Thúy	An	BT	25	25	25	20	95	XS
8	24112010540	Đặng Anh	Thư		23	25	15	11	74	Khá
9	24112010544	Trương Thị Ngọc	Diễm		28	25	19	13	85	Tốt
10	24112010559	Nguyễn Trần Diễm	Hương		26	25	19	10	80	Tốt
11	24112010563	Lê Kiều	Nhi		26	25	19	11	81	Tốt
12	24112010566	Võ Thị Đài	Trang		21	25	17	11	74	Khá
13	24112010567	Vũ Thị	Thúy		28	25	17	11	81	Tốt
14	24112010580	Trương Thị Ngọc	Anh		24	25	15	10	74	Khá
15	24112010585	Phạm Phan Quốc	Toàn	LT	28	25	21	20	94	XS
16	24112010588	Trần Thị Ngọc	Vy		26	25	23	11	85	Tốt
17	24112010596	Vũ Thị Thuý	Tiên		28	25	15	12	80	Tốt
18	24112010599	Nguyễn Thanh Yến	Phương		24	25	19	10	78	Khá
19	24112010603	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương		28	25	17	12	82	Tốt
20	24112010604	Nguyễn Thị Hương Tây	Nguyên		24	25	15	9	73	Khá
21	24112010617	Phan Huỳnh Yến	Nhi		24	25	23	10	82	Tốt
22	24112010618	Nguyễn Đặng Bảo	Ngân		26	25	15	10	76	Khá
23	24112010621	Cao Thị Yến	Nhi		26	25	17	12	80	Tốt
24	24112010631	Nguyễn Sỹ	Hùng		26	25	17	12	80	Tốt
25	24112010635	Roãn Kiều	Xuân		24	25	15	12	76	Khá
26	24112010636	Phan Thị Hà	Ngân		24	25	15	10	74	Khá
27	24112010642	Nguyễn Lê	Nghiêm		26	25	15	14	80	Tốt
28	24112010755	Trương Thị Thanh	Trúc		26	25	15	14	80	Tốt
29	24112011049	Hồ Minh	Yến		26	25	15	14	80	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	4	14%
Tốt	14	48%
Khá	11	38%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Q.HIỆU TRƯỞNG

TP. CTHSSV

Người tổng hợp



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14B1**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24112010703	Phạm Nguyễn Tuấn	An		26	25	10	15	76	Khá
2	24112010733	Nguyễn Thị Quế	Anh		22	25	8	15	70	Khá
3	24112010746	Hồ Vân	Anh		21	25	18	15	79	Khá
4	24112010625	Phan Nguyễn Xuân	Diệu		26	25	16	15	82	Tốt
5	24112010692	Nguyễn Hữu	Đức	UV	21	25	6	20	72	Khá
6	24112010619	Nguyễn Thuý	Hằng		24	25	10	15	74	Khá
7	24112010742	Vũ Thị Thu	Hằng		22	25	12	15	74	Khá
8	24112010496	Huỳnh Thị Ngọc	Huệ		20	25	10	15	70	Khá
9	24112010835	Nguyễn Ngọc	Huyền	LP	24	25	23	20	92	XS
10	24112010727	Nguyễn Cẩm	Ly		24	25	18	15	82	Tốt
11	24112010678	Trần Đặng Duy	Minh		21	25	11	15	72	Khá
12	24112010622	Nguyễn Hoàng Thanh	Nga		24	25	9	15	73	Khá
13	24112010601	Lê Huỳnh Yên	Nhi	LP	22	25	25	20	92	XS
14	24112010662	Lê Nguyễn Huỳnh	Như		24	25	5	15	69	TB
15	24112010706	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như		22	25	8	15	70	Khá
16	24112010669	Huỳnh Thanh	Phước		24	25	11	15	75	Khá
17	24112010655	Nguyễn Như	Quỳnh		24	25	8	15	72	Khá
18	24112010689	Lê Nguyễn Tất	Thành		20	25	15	15	75	Khá
19	24112010735	Nguyễn Thị Thu	Thảo		22	25	10	15	72	Khá
20	24112010739	Nguyễn Thị Thu	Thảo		24	25	8	15	72	Khá
21	24112010707	Lâm Thị Anh	Thư	LT	26	25	25	20	96	XS
22	24112010705	Nguyễn Ngọc Như	Thùy		24	25	6	15	70	Khá
23	24112010648	Bùi Nguyễn Quốc	Toàn		19	25	11	15	70	Khá
24	24112010661	Lê Võ Thuý	Vân		24	25	6	15	70	Khá
25	24112010490	Đỗ Tường	Vy	LP	24	25	9	20	78	Khá
26	24112010495	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy		22	25	20	15	82	Tốt
27	24112010694	Lê Thị Hàm	Yên		25	25	25	15	90	XS

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	4	15%
Tốt	3	11%
Khá	19	70%
TB	1	4%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP. CTHSSV**

Tông Văn Nam

**Người tổng hợp**

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14B2**

(Kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường

Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TĐ HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24112010096	Trần Bích	Chi		24	25	25	15	89	Tốt
2	24112010097	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		23	25	25	15	88	Tốt
3	24112010125	Nguyễn Văn	Tài		23	25	17	15	80	Tốt
4	24112010261	Trương Thị Minh	Thư		24	25	25	15	89	Tốt
5	24112010267	Đỗ Nguyễn Thu	Hà		23	25	23	15	86	Tốt
6	24112010281	Nguyễn Võ Uyên	Trang		23	25	14	15	77	Khá
7	24112010319	Khổng Thị Ngọc	Phước		24	25	17	15	81	Tốt
8	24112010324	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh		23	25	15	15	78	Khá
9	24112010388	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	BT	22	25	23	20	90	XS
10	24112010394	Trần Hoàng	Thiện		21	25	7	15	68	TB
11	24112010403	Mai Tuyết	Nhi		22	25	15	15	77	Khá
12	24112010418	Lê Thị Ngọc	Thi	LT	24	25	25	20	94	XS
13	24112010449	Nguyễn Minh	Tú		21	25	14	15	75	Khá
14	24112010863	Lê Bảo	Trần		21	25	23	15	84	Tốt
15	24112010509	Phan Gia	Hung		23	25	25	15	88	Tốt
16	24112010533	Giáp Thị Mỹ	Ngọc		18	25	20	15	78	Khá
17	24112010534	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		19	25	18	15	77	Khá
18	24112010568	Trần Lê Hồng	Ánh		19	25	16	15	75	Khá
19	24112010571	Đỗ Thị Phương	Thảo		19	25	22	15	81	Tốt
20	24112010591	Huỳnh Thị Như	Ý	LP	24	25	17	20	86	Tốt
21	24112010594	Phan Thị	Yến		23	25	14	15	77	Khá
22	24112010741	Huỳnh	Như		24	25	15	15	79	Khá
23	24112010758	Nguyễn Quỳnh	Như		24	25	14	15	78	Khá
24	24112010839	Nguyễn Thị Ngọc	Thư		23	25	16	15	79	Khá
25	24112011086	Nguyễn Thị	Nhàn		23	25	14	15	77	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	2	8%
Tốt	10	40%
Khá	12	48%
TB	1	4%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	25	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14B3**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	24112010708	Nguyễn Nhị	Bình		26	25	18	15	84	Tốt
2	24112010802	Trần Thị Mỹ	Hào		22	25	16	15	78	Khá
3	24112010794	Nguyễn Thị Thu	Hiền		28	25	12	15	80	Tốt
4	24112010141	Nguyễn Hồng Gia	Huệ	LT	24	25	21	20	90	XS
5	24112010808	Vũ Quốc	Linh		23	25	11	15	74	Khá
6	24112010784	Nguyễn Bình Phương Như	Ngọc		24	25	16	15	80	Tốt
7	24112010339	Thạch Yến	Nhi	BCH	26	25	20	20	91	XS
8	24112010780	Bồ Thị Yến	Nhi		22	25	13	15	75	Khá
9	24112010070	Trần Quỳnh	Như	BCH	24	25	19	20	88	Tốt
10	24112010824	Trần Văn	Phong		21	25	9	15	70	Khá
11	24112010787	Lê Thị Phương	Quyên		21	25	16	15	77	Khá
12	24112010764	Nguyễn Đức	Thắng		20	25	12	15	72	Khá
13	24112010791	Lê Hồ Phương	Thoan	LP	26	25	21	20	92	XS
14	24112010729	Ngô Hà Anh	Thư		24	25	21	15	85	Tốt
15	24112010776	Phan Thị Minh	Thư		26	25	13	15	79	Khá
16	24112010376	Trần Hoài	Thương		26	25	21	15	87	Tốt
17	24112010778	Lê Thị Thu	Thủy		25	25	20	15	85	Tốt
18	24112010809	Huỳnh Thị Hương	Trà		22	25	23	15	85	Tốt
19	24112010654	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		21	25	13	15	74	Khá
20	24112010782	Nguyễn Thị	Trang		25	25	12	15	77	Khá
21	24112010805	Nguyễn Thị	Trang	PBT	26	25	21	20	92	XS
22	24112010825	Trần Thị Hà	Trang		22	25	23	15	85	Tốt
23	24112010757	Phan Thị Tú	Trinh		24	25	15	15	79	Khá
24	24112010822	Nguyễn Hiếu	Trung	LP	28	25	17	20	90	XS
25	24112010796	Lê Kim	Tuyến		21	25	12	15	73	Khá
26	24112010806	Lê Thị Phương	Uyên		23	25	15	15	78	Khá
27	24112010771	Lê Nguyễn Ngọc Thúy	Vy		25	25	21	15	86	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	5	19%
Tốt	10	37%
Khá	12	44%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP. CTSSV

Người tổng hợp



NGUYỄN VĂN TÍNH

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14C1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010566	Rcom Ka	Susu		20	25	20	11	76	Khá
2	24112010225	Trần Quỳnh	Anh		26	25	17	9	77	Khá
3	24112010469	Huỳnh Ngọc Yến	Vy		19	25	19	10	73	Khá
4	24112010503	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	BT	20	25	25	20	90	XS
5	24112010536	Lê Thị Phương	Linh		26	25	25	20	96	XS
6	24112010759	Nguyễn Phương	Linh		21	25	16	8	70	Khá
7	24112010783	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		17	25	15	6	63	TB
8	24112010789	Từ Phan Gia	Hân		24	25	15	6	70	Khá
9	24112010804	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy		22	25	17	9	73	Khá
10	24112010810	Nguyễn Thị Khánh	Linh		21	25	20	11	77	Khá
11	24112010813	Trần Thị Ngọc	Nhi		21	25	15	6	67	TB
12	24112010817	Hồ Phương	Linh	TT	24	25	22	17	88	Tốt
13	24112010820	Trần Thị Tuyết	Sương	LPĐS	26	25	22	20	93	XS
14	24112010827	Lại Trần Cẩm	Tú		24	25	16	6	71	Khá
15	24112010831	Lê Minh	Nhật	TT	24	25	18	15	82	Tốt
16	24112010834	Nguyễn Dạ Minh	Thư	PBT	26	25	23	14	88	Tốt
17	24112010836	Nguyễn Trung	Kiên		28	25	19	10	82	Tốt
18	24112010841	Dương Thị	Linh		15	25	15	6	61	TB
19	24112010848	Tạ Ngọc Linh	Chi		24	25	15	6	70	Khá
20	24112010851	Lê Thị Hạnh	Vy	LT	28	25	25	20	98	XS
21	24112010852	Huỳnh Thanh	Trúc	TT	24	25	18	15	82	Tốt
22	24112010854	Lê Quốc	Bình	LPHT	18	25	16	14	73	Khá
23	24112010856	Nguyễn Ngọc	Tinh	TT	19	25	15	11	70	Khá
24	24112010866	Phạm Thị Hương	Giang		24	25	16	6	71	Khá
25	24112010871	Phạm Nhất	Uyên		18	25	19	10	72	Khá
26	24112010891	Nguyễn Hồng	Nhung		22	25	22	17	86	Tốt

Loại	SL	%
XS	4	15%
Tốt	6	23%
Khá	13	50%
TB	3	12%
Yếu	0	0%
Tổng	26	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 14C2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	23112010638	Phạm Thị Tú	Chinh		19	25	13	7	64	TB
2	23112010673	Nguyễn Thị Bích	Trâm		24	25	15	6	70	Khá
3	23112010724	Nguyễn Hoàng Khánh	Lê		23	25	15	7	70	Khá
4	23112010873	Bùi Cẩm	Linh		28	25	12	9	74	Khá
5	23112011079	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		20	25	15	6	66	TB
6	24112010181	Trần Thị Ngọc	Linh		24	25	16	6	71	Khá
7	24112010221	Phạm Thụy Trúc	Đào		26	25	16	6	73	Khá
8	24112010244	Bùi Thị Thanh	Xuân	LT	28	25	25	20	98	XS
9	24112010587	Lê Thị Ngọc	Anh		19	25	19	10	73	Khá
10	24112010630	Nguyễn Minh	Ngọc		24	25	18	9	76	Khá
11	24112010779	Trần Thị Anh	Thư		21	25	19	10	75	Khá
12	24112010868	Hoàng Thị Mai	Anh	LPHT	28	25	24	20	97	XS
13	24112010875	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc		21	25	16	8	70	Khá
14	24112010876	Vũ Thị Kim	Ngọc		23	25	15	7	70	Khá
15	24112010878	Nguyễn Thanh	Mai	TT	24	25	15	11	75	Khá
16	24112010879	Hà Nguyễn Thảo	Vân		26	25	24	15	90	XS
17	24112010880	Nguyễn Minh	Kha		15	25	15	6	61	TB
18	24112010881	Lâm Thị Ngọc	Như	LPĐS	23	25	17	17	82	Tốt
19	24112010883	La Thị Kim	Hương	UV	24	25	16	6	71	Khá
20	24112011028	Lê Hồng Khánh	Vân		24	25	15	6	70	Khá
21	24112011036	Lâm Thị Hương	Trang		19	25	15	6	65	TB
22	24112011046	Cao Lê Nhật	Linh		23	25	16	6	70	Khá
23	24112011067	Nguyễn Thị Trúc	Phương		13	25	18	9	65	TB
24	24112011081	Nguyễn Văn	Đạt		26	25	22	12	85	Tốt
25	24112011083	Lê Ngọc	Ánh		28	25	16	6	75	Khá
26	24112011092	Y	Xuyến		28	25	17	10	80	Tốt
27	24112011104	Cao Quế	Anh		28	25	19	10	82	Tốt

Loại	SL	%
XS	3	11%
Tốt	4	15%
Khá	15	56%
TB	5	19%
KXL	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP. CTHSSV**

Tống Văn Nam

**Người tổng hợp**

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15A1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25111011507	Lê Thị Anh	Thư	PDS	18	23	14.5	20	76	Khá
2	25112011443	Trần Võ Thảo	Nguyên		24	25	18	13	80	Tốt
3	25112011466	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh		28	25	11	15	79	Khá
4	25112011468	Võ Thị Thiên	Kim		24	23	13	10	70	Khá
5	25112011480	Phan Trung	Nguyên		26	25	12.5	15	79	Khá
6	25112011495	Hà Công	Nguyên		20	23	11.5	6	61	TB
7	25112011503	Nguyễn Tấn	Lộc		22	23	13.5	12	71	Khá
8	25112011506	Trần Thị Lan	Anh		18	23	16	10	67	TB
9	25112011516	Nguyễn Ngọc Linh	Chi		24	25	16	15	80	Tốt
10	25112011552	Nguyễn Ngọc Khánh	Uyên	UV	24	25	15	18	82	Tốt
11	25112011563	Lê Hoàng Thảo	Vy	BT	20	25	13.5	20	79	Khá
12	25112011566	Lê Minh	Huy	TT4	24	25	14	18	81	Tốt
13	25112011591	Nguyễn Thụy Nhã	Thanh		24	25	12	13	74	Khá
14	25112011596	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh		26	25	12	15	78	Khá
15	25112011609	Bùi Văn	Sĩ	TT1	26	25	12	18	81	Tốt
16	25112011648	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		24	25	14	15	78	Khá
17	25112011650	Đặng Hoàng Ánh	Ngân		17	21	11	6	55	TB
18	25112011669	Lương Quốc	Cường		24	25	12	12	73	Khá
19	25112011672	Nguyễn Trung	Trí		20	21	11	6	58	TB
20	25112011739	Lò Nguyễn Huyền Yên	Nhi	LP	18	25	16	20	79	Khá
21	25112011740	Nguyễn Cao	Phúc		20	21	12	7	60	TB
22	25112011741	Trần Thị Kim	Trâm		19	23	12.5	10	65	TB
23	25112011746	Nguyễn Đình Tường	Nhi	TT3	18	25	15.5	18	77	Khá
24	25112011751	Lê Quốc	Thái		19	25	15	13	72	Khá
25	25112011752	Nguyễn Thị Thùy	Duyên		24	25	12	13	74	Khá
26	25112011780	Vũ Ngọc Tường	Vy	TT2	24	25	13.5	18	81	Tốt
27	25112011799	Nguyễn Thụy Trúc	Quỳnh		24	25	12	13	74	Khá
28	25112011839	Dương Huyền	Vũ		24	25	15	11	75	Khá
29	25112011868	Hồ Thị Phương	Trâm		24	25	12	13	74	Khá
30	25112011968	Bùi Nguyễn Tấn	Thành	LT	22	25	21	20	88	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	0	0%
Tốt	7	23%
Khá	17	57%
TB	6	20%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	30	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Q.HIỆU TRƯỞNG

TP. CTHSSV

Người tổng hợp



NGUYỄN VĂN TÍNH

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15A2**

(Kèm theo Quyết định số: 28<sup>0</sup>/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011259	Phạm Quỳnh	Anh	TT1	24	25	13	15	77	Khá
2	25112011284	Đinh Thị	Bản	LT	26	25	15	20	86	Tốt
3	25112011457	Hoàng Bích	Huệ		20	23	12	10	65	TB
4	25112011458	Mai Thị	Nhài		22	25	12	12	71	Khá
5	25112011467	Võ Thị Kim	Chi		20	21	13	10	64	TB
6	25112011513	Văn Minh	Tú	PHT	26	25	13	19	83	Tốt
7	25112011556	Võ Thị Khánh	Ly		24	25	14.5	15	79	Khá
8	25112011560	Trương Thị Bình	Yên		17	23	16	15	71	Khá
9	25112011562	Huỳnh Phi	Hậu		22	25	11	10	68	TB
10	25112011569	Liêu Bích	Hữu		22	23	13	13	71	Khá
11	25112011570	Hồng Quỳnh	Hương		24	25	12.5	13	75	Khá
12	25112011584	Lê Thị Khánh	Ly	TT2	20	23	12	10	65	TB
13	25112011585	Vũ Lê Như	Quỳnh		24	25	14.5	15	79	Khá
14	25112011594	Đoàn Thị Thùy	Trang		22	23	12.5	10	68	TB
15	25112011599	Trần Nguyễn	Nhi		22	25	11.5	13	72	Khá
16	25112011643	Lê Anh	Thư		22	23	12.5	13	71	Khá
17	25112011670	Lê Thị Ngọc	Huyền	TT3	22	23	14	15	74	Khá
18	25112011705	Trần Thị Mỹ	Ngọc		20	23	11	10	64	TB
19	25112011710	Nguyễn Hoàng Gia	Hân		20	23	12	10	65	TB
20	25112011753	Bùi Thị Anh	Thư		24	25	12.5	10	72	Khá
21	25112011769	Nguyễn Lý Anh	Thư		23	23	15	10	71	Khá
22	25112011771	Vũ Thị Phương	Thảo		22	23	13	12	70	Khá
23	25112011836	Nguyễn Thị Minh	Thư		22	25	11	13	71	Khá
24	25112011890	Đào Thị Thúy	Nga		22	25	11.5	15	74	Khá
25	25112011904	Bùi Ngọc	Anh	TT4	26	25	13	18	82	Tốt
26	25112011907	Hồ Sỹ Anh	Quân		20	22	11	10	63	TB
27	25112011920	Võ Quốc	Cường		18	18	11	10	57	TB
28	25112011929	Nguyễn Minh	Hào		24	23	12	11	70	Khá
29	25112011936	Nguyễn Thị Kim	Thoa	PĐS	24	25	14	20	83	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	0	0%
Tốt	4	14%
Khá	16	55%
TB	9	31%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15A3**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011500	Lê Phương	Huỳnh	TT1	16	23	15	18	72	Khá
2	25112011538	Đỗ Quỳnh	Như		20	21	11	6	58	TB
3	25112011620	Huỳnh Văn	Lộc	LT	20	25	17	20	82	Tốt
4	25112011655	Trần Thị Như	Hoà		20	21	11	6	58	TB
5	25112011658	Nguyễn Thảo	Nguyên		24	25	15	13	77	Khá
6	25112011718	Trần Bảo	Như		20	21	12	7	60	TB
7	25112011722	Bùi Thị Bích	Lê		26	25	11	8	70	Khá
8	25112011883	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	PHT	24	25	12	19	80	Tốt
9	25112011896	Lê Văn	Hiếu		18	19	11	3	51	TB
10	25112011897	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	PĐS	22	23	14	16	75	Khá
11	25112011942	Nguyễn Đức	Trung		20	23	13	9	65	TB
12	25112011943	Giang Uyên	Nhi		20	23	14	8	65	TB
13	25112011949	Phạm Quỳnh	Anh		24	25	13	10	72	Khá
14	25112011956	Vũ Nguyễn Ái	Nhân		18	21	14	6	59	TB
15	25112011958	Phạm Thị Cẩm	Hồng		26	25	13.5	14	79	Khá
16	25112011969	Nguyễn Minh	Long		20	21	11	6	58	TB
17	25112011972	Nguyễn Hoàng	Lan	TT3	20	23	15	15	73	Khá
18	25112011984	Nguyễn Thị Anh	Thư	TT2	24	25	11	15	75	Khá
19	25112011985	Võ Phạm Quỳnh	Như		23	23	17	11	74	Khá
20	25112012000	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		22	25	13.5	10	71	Khá
21	25112012004	Nguyễn Thanh Hoàng	Kim		20	21	11.5	6	59	TB
22	25112012005	Nguyễn Đình Minh	Tôn	UV	22	25	12.5	15	75	Khá
23	25112012008	Phan Đặng Huy	Thịnh	PBT	19	25	16	18	78	Khá
24	25112012009	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		22	21	11	6	60	TB
25	25112012022	Nguyễn Châu Tường	Nguyên		20	23	13	10	66	TB
26	25112012024	Huỳnh	Như		19	21	11.5	6	58	TB
27	25112012027	Trương Thị Hồng	Loan		18	23	17	13	71	Khá
28	25112012030	Trần Kim	Ngân		20	21	11	6	58	TB
29	25112012045	Đỗ Phương	Hoa		22	25	12	13	72	Khá
30	25112012101	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		18	21	12	6	57	TB

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	0	0%
Tốt	2	7%
Khá	14	47%
TB	14	47%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	30	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP. CTSSV**

Tống Văn Nam

**Người tổng hợp**

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15B1**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112012093	Hoàng Thùy	An	TT	28	25	19	20	92	XS
2	25112011613	Lê Thị Hoài	An		23	25	15	15	78	Khá
3	25112012097	Lê Thị Lan	Anh		26	25	16	15	82	Tốt
4	25112012098	Lê Thị Vân	Anh		26	25	9	13	73	Khá
5	25112012062	La Kim	Đầy		24	25	15	15	79	Khá
6	25112012055	Trần Ánh	Dương		26	25	15	15	81	Tốt
7	25112012021	Trần Bích	Hà		26	25	16	15	82	Tốt
8	25112012061	Hà Thị Thu	Hoài		26	25	16	15	82	Tốt
9	25112012042	Nguyễn Thị Phương	Linh		23	25	8.5	14	71	Khá
10	25112012072	Võ Thị Trúc	Linh		22	25	16	15	78	Khá
11	25112012046	Dương Nguyễn Bảo	Ngọc		24	25	19.5	15	84	Tốt
12	25112012065	Vương Kim Bảo	Ngọc	LP	26	25	15	20	86	Tốt
13	25112011636	Trần Huỳnh Thu	Nhi		26	25	8	13	72	Khá
14	25112012054	Lê Huỳnh	Như		25	25	9.5	13	73	Khá
15	25112012039	Lê Thị Bích	Phượng		26	25	8.5	13	73	Khá
16	25112011857	Lê Trần Bảo	Quyên		25	25	17	15	82	Tốt
17	25112012070	Vũ Thị Thanh	Thu		26	25	19	15	85	Tốt
18	25112012060	Huỳnh Thanh	Thư	LP	28	25	20	20	93	XS
19	25112012066	Nguyễn Đặng Minh	Thư		26	25	8	13	72	Khá
20	25112012041	Kiều Thị Mộng	Thúy		28	25	12	15	80	Tốt
21	25112012075	Nguyễn Thị	Thúy		24	25	9	13	71	Khá
22	25112011582	Nguyễn Thị Phương	Thúy	TT	26	25	20	20	91	XS
23	25112012053	Trần Võ Thủy	Tiên		24	25	17	15	81	Tốt
24	25112012192	Điền Trung	Tín	LT	24	25	18	20	87	Tốt
25	25112011603	Hồ Thị Huyền	Trần		26	25	9	13	73	Khá
26	25112011612	Nguyễn Thị Mộng	Tuyết		24	25	9	15	73	Khá
27	25112012079	Lý Thanh	Vân		24	25	9	15	73	Khá
28	25112012069	Trần Thị Kim	Vy	TT	26	25	23.5	20	95	XS
29	25112011614	Cao Kim	Yên		24	25	14	15	78	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	4	14%
Tốt	11	38%
Khá	14	48%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q.HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**



Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15B2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TĐ HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011473	Trần Thị Ngọc	Bích		26	25	9	13	73	Khá
2	25112011814	Lê Huy	Đức	TT	28	25	15	20	88	Tốt
3	25112012059	Đỗ Thị Ánh	Dương		24	25	8	13	70	Khá
4	25112011723	La Thị Mỹ	Duyên		28	25	20	15	88	Tốt
5	25112012104	Lê Nguyễn Đình	Giang	LPĐS	26	25	18	20	89	Tốt
6	25112012117	Nguyễn Thị Kim	Hằng		26	25	21	15	87	Tốt
7	25112011982	Lê Thị Thanh	Hiền	LT	26	25	18	20	89	Tốt
8	25112011849	Đặng Thị Thùy	Linh		26	25	25	15	91	XS
9	25112011995	Đỗ Kim	Ngân	TT	26	25	16	20	87	Tốt
10	25112012132	Lê Thành	Nghĩa		28	25	17	15	85	Tốt
11	25112012103	Cao Thị Thiên	Ngọc		28	25	14	15	82	Tốt
12	25112012119	Nguyễn Yên	Nhi		28	25	25	15	93	XS
13	25112012125	Phan Thị Yên	Nhi		24	25	7	13	69	TB
14	25112012112	Trần Ngọc	Nhi		26	25	25	15	91	XS
15	25112012110	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	LP	26	25	17	20	88	Tốt
16	25112012135	Cái Đặng Tấn	Phát		26	25	15	15	81	Tốt
17	25112012020	Bùi An	Phi	TT	24	25	16	20	85	Tốt
18	25112012113	Lê Thị	Quy		26	25	25	15	91	XS
19	25112011682	Dương Thúy	Quyên		28	25	25	15	93	XS
20	25112011668	Hồ Dương Minh	Thùy	PBT	24	25	18	20	87	Tốt
21	25112011536	Lê Quốc	Toàn		24	25	18	15	82	Tốt
22	25112011990	Dương Ngọc	Trâm		26	25	7	15	73	Khá
23	25112011640	Thái Thị Thùy	Trang		26	25	18	15	84	Tốt
24	25112012102	Nguyễn Thị An	Vy		24	25	16	15	80	Tốt
25	25112011945	Nguyễn Kim	Yên	BT	28	25	18	20	91	XS
26	25112012131	Vũ Hải	Yên		24	25	16	15	80	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	6	23%
Tốt	16	62%
Khá	3	12%
TB	1	4%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	26	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP. CTHSSV**

Tống Văn Nam

**Người tổng hợp**

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15B3**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trưởng  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011474	Nguyễn Huỳnh	Anh		26	25	17	15	83	Tốt
2	25112012145	Nguyễn Thị Lan	Anh		24	25	16	15	80	Tốt
3	25112011278	Phạm Tiến	Doanh		26	25	9	13	73	Khá
4	25112012155	Hoàng Hạnh	Hoa	TT	26	25	14	20	85	Tốt
5	25112012162	Nguyễn Phương	Linh		26	25	14	15	80	Tốt
6	25112011543	Nguyễn Thùy	Linh		26	25	14	15	80	Tốt
7	25112012143	Bùi Thị Hương	Loan		22	25	14	15	76	Khá
8	25112012165	Nguyễn Phúc Cẩm	Ly		26	25	8	13	72	Khá
9	25112012146	Thiều Công	Minh		22	25	15	15	77	Khá
10	25112011567	Lê Thị Kim	Ngân		22	25	16	14	77	Khá
11	25112012153	Nguyễn Thị Thảo	Nhi		24	25	14	15	78	Khá
12	25112012160	Trần Thị Quỳnh	Như		26	25	16	15	82	Tốt
13	25112012151	Mai Gia	Phát	LP	26	25	17	20	88	Tốt
14	25112012163	Trần Hoàng	Phước	LT	24	25	19	20	88	Tốt
15	25112012137	Đoàn Thị Lệ	Quyên	TT	21	25	8	18	72	Khá
16	25112012158	Nguyễn Thị Anh	Thư	LP	28	25	14	20	87	Tốt
17	25112012164	Trần Vũ Anh	Thư		26	25	8	13	72	Khá
18	25112011738	Đỗ Thị Thùy	Trang		26	25	20.5	15	87	Tốt
19	25112011651	Lê Thị Minh	Trang	TT	26	25	14	20	85	Tốt
20	25112012159	Trịnh Thị Thùy	Trang		26	25	16.5	15	83	Tốt
21	25112011979	Võ Ngọc Huyền	Trang		26	25	9	13	73	Khá
22	25112011367	Vũ Anh	Tuấn		23	25	6	10	64	TB
23	25112011695	Đỗ Thị	Uyên		24	25	17.5	15	82	Tốt
24	25112012161	Trần Thế	Vinh		22	23	6	10	61	TB
25	25112011981	Lê Trần Thảo	Vy		24	25	9	13	71	Khá
26	25112012025	Nguyễn Lê Nhật	Vy		28	25	14	15	82	Tốt
27	25112011647	Nguyễn Thúy	Vy		26	25	17.5	15	84	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ %
XS	0	0%
Tốt	15	56%
Khá	10	37%
TB	2	7%
Yếu	0	0%
Kém	0	0%
Tổng	27	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tổng Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15C1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TĐ HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011539	Nguyễn Thị Khánh	Linh		18	25	18	9	70	Khá
2	25112011546	Nguyễn Trung	Hiếu		20	25	19	10	74	Khá
3	25112011576	Nguyễn Cam Ngọc Thùy	Tiên		24	25	23	11	83	Tốt
4	25112011623	Võ Mộng	Trâm		24	25	21	15	85	Tốt
5	25112011748	Trần Quốc	Thái	LP	22	25	18	20	85	Tốt
6	25112011791	Mai Nguyễn Triều	Tiên		28	25	22	16	91	XS
7	25112011816	Phạm Thị Thu	Hằng	P.BT	26	25	25	20	96	XS
8	25112011833	Nguyễn Thùy	Trang	LT	26	25	25	20	96	XS
9	25112011843	Vương Mỹ	Ngân	TT	24	25	17	19	85	Tốt
10	25112011861	Đinh Thị Hằng	Nga	LP	18	25	23	18	84	Tốt
11	25112011872	Điền Thị Tuyết	Như		20	25	16	12	73	Khá
12	25112011950	Lưu Thị	Hào		22	25	21	13	81	Tốt
13	25112011959	Phạm Lê Anh	Phương		20	25	17	11	73	Khá
14	25112011965	Nguyễn Thúy	Vy		28	25	21	20	94	XS
15	25112011974	Huỳnh Thị Diễm	My		22	25	19	14	80	Tốt
16	25112011978	Cao Thị Phương	Anh		24	25	23	12	84	Tốt
17	25112012003	Vũ Thị Ngọc	Huyền		22	25	16	11	74	Khá
18	25112012017	Kim Thị	Thương		22	25	21	13	81	Tốt
19	25112012033	Huỳnh Anh	Kiều		28	25	25	12	90	XS
20	25112012043	Nguyễn Thị Hải	Yên		24	25	15	11	75	Khá
21	25112012050	Phan Thị Phương	Thảo		18	25	16	11	70	Khá
22	25112012057	Lưu Thị Thúy	Vy		26	25	25	15	91	XS
23	25112012058	Nguyễn Khánh	Ngọc		18	25	19	12	74	Khá
24	25112012086	Nguyễn Thành	Tài		20	25	23	12	80	Tốt
25	25112012111	Ngô Thị Huỳnh	Mai		25	25	19	14	83	Tốt
26	25112012114	Vũ Anh	Thy		24	25	21	14	84	Tốt
27	25112012157	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	UV	22	25	19	16	82	Tốt
28	25112012169	Nguyễn Đỗ Thùy	Trang		24	25	21	14	84	Tốt

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	6	21%
Tốt	14	50%
Khá	8	29%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Tổng	28	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Q.HIỆU TRƯỞNG

TP. CTHSSV

Người tổng hợp



NGUYỄN VĂN TÍNH

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15C2**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25111011365	Bùi Thị Thanh	Trúc		24	25	7	14	70	Khá
2	25111012010	Phạm Thị Thu	Thùy		20	25	28	19	92	XS
3	25112011358	Nguyễn Thị	Huế		23	25	20	11	79	Khá
4	25112011484	Nguyễn Thị Thu	Ngân		20	25	16	10	71	Khá
5	25112011502	Hồ Thị Mỹ	Linh		24	25	25	13	87	Tốt
6	25112011550	Đỗ Tiến	Sang		20	25	19	10	74	Khá
7	25112011605	Lê Hoàng Phương	Anh		17	25	17	11	70	Khá
8	25112011750	Bùi Thị Thanh	Mai		22	25	17	10	74	Khá
9	25112011957	Huỳnh Thúy	Vy		26	25	25	20	96	XS
10	25112012013	Phạm Nguyễn Mộng	Trâm		21	25	18	11	75	Khá
11	25112012044	Cao Thanh	Lan		20	25	21	13	79	Khá
12	25112012105	Nguyễn Phương	Anh		22	25	21	13	81	Tốt
13	25112012170	Lữ Hoàng Thùy	Linh		20	25	25	11	81	Tốt
14	25112012171	Lê Bảo	Trâm		24	25	22	20	91	XS
15	25112012172	Khổng Khánh	Mẫn		20	25	20	11	76	Khá
16	25112012176	Lê Hoàng	Duy		22	25	23	20	90	XS
17	25112012177	Bùi Phạm Khả	Dung		25	25	17	13	80	Tốt
18	25112012178	Nguyễn Thanh	Triết		26	25	25	12	88	Tốt
19	25112012183	Trương Diễm	Hương		26	25	25	20	96	XS
20	25112012186	Nguyễn Thanh	Thy		21	25	18	11	75	Khá
21	25112012188	Trịnh Ánh	Dương		20	25	22	10	77	Khá
22	25112012189	Lê Thị Thùy	Ngân		22	25	18	10	75	Khá
23	25113021619	Nguyễn Hoài	Đức		28	25	25	20	98	XS
24	25113021776	Trần Minh	Hoàng		22	25	19	13	79	Khá
25	25113021973	Trần Anh	Đạt		20	25	21	11	77	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	6	24%
Tốt	5	20%
Khá	14	56%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Tổng	25	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026



**Q. HIU TRUONG**

**TP. CTHSSV**

**Người tổng hợp**

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG DƯỢC 15C3**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT ngày 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

Stt	Mã SV	Họ	Tên	Chức vụ	4 NỘI DUNG				TB HKI	Xếp loại HKI
					ND	ND	ND	ND		
1	25112011498	Nguyễn Hồng	Tươi		30	25	23	13	91	XS
2	25112011499	Trần Thị Hồng	Thư	LT	28	25	23	20	96	XS
3	25112011611	Điền Thị Hồng	Thắm		17	25	25	14	81	Tốt
4	25112012168	Nguyễn Quỳnh	Giang		20	25	18	21	84	Tốt
5	25112012198	Võ Ngọc	Huy		18	25	19	10	72	Khá
6	25112012200	Mai Gia	Huy		22	25	23	11	81	Tốt
7	25112012202	Phạm Thị Quỳnh	Như		26	25	25	15	91	XS
8	25112012204	Võ Thị Mai	Trâm		24	25	23	15	87	Tốt
9	25112012206	Tôn Nữ Trà	My		22	25	21	13	81	Tốt
10	25112012207	Nguyễn Hồng	Tấn	LP	19	25	18	20	82	Tốt
11	25112012208	Lê Thị	Linh		22	25	13	15	75	Khá
12	25112012216	Nguyễn Tấn	Phước		20	25	17	11	73	Khá
13	25112012220	Nguyễn Ngọc	Nhã		20	25	17	15	77	Khá
14	25112012226	Lê Nữ Trà	My		26	25	23	15	89	Tốt
15	25112012227	Phạm Qué	Nhi		26	25	23	20	94	XS
16	25112012230	Trần Thị Thùy	Trang		22	25	17	15	79	Khá
17	25113022082	Nguyễn Thị Thùy	Trang		20	25	15	15	75	Khá

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	4	24%
Tốt	7	41%
Khá	6	35%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Tổng	17	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TP. CTHSSV

Người tổng hợp



*(Signature)*

*(Signature)*

Tống Văn Nam

Trần Văn Anh

NGUYỄN VĂN TÍNH

83	24113020889	Tổng Đức	Doanh		21	25	14	7	67	TB	
84	24113020647	Phạm Thị Ánh	Nguyệt		21	25	14	7	67	TB	
85	24113020338	Nguyễn Thanh	Nhi		21	25	14	7	67	TB	
86	24113020886	Hồ Thị Thanh	Uyên		20	25	15	7	67	TB	
87	24113020577	Võ Nguyễn Văn	An		20	25	14	7	66	TB	
88	24113020340	Phạm Trọng	An		20	25	14	7	66	TB	
89	24113020440	Lê Như	Huỳnh		18	25	16	7	66	TB	
90	24111010367	Nguyễn Phương	Vy		20	25	14	7	66	TB	
91	24113020609	Huỳnh Ngô Thiên	Danh		19	25	14	7	65	TB	
92	24113020232	Lê Kim	Dung		19	25	14	7	65	TB	
93	24113021034	Nguyễn Khôi	Nguyễn		19	25	14	7	65	TB	
94	24113020381	Đỗ Thu	Phúc		19	25	14	7	65	TB	
95	24113020637	Đào Vũ Nhật	Vy		18	25	14	7	64	TB	
96	24113020356	Nguyễn Thị Thu	Trang		16	25	14	7	62	TB	
97	24113020541	Nguyễn Lê	Kỳ		12	25	14	7	58	TB	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	10	10%
Tốt	11	11%
Khá	49	51%
TB	27	28%
Yếu	0	0%
Tổng	97	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026



TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP

NGUYỄN VĂN TÍNH

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA 1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày.....17.....tháng.04.....năm.2025.. Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	24113021088	Nguyễn Thị Vân	Anh	BT	30	25	25	20	100	XS	
2	24113020310	Nguyễn Thị Ngân	Hà	LP	28	25	25	20	98	XS	
3	24113020845	Ngô Ánh	Kim	UV	28	25	25	20	98	XS	
4	24112010236	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	UV	28	25	25	20	98	XS	
5	24113020492	Lê Thị Huỳnh	Như	TT	24	25	25	19	93	XS	
6	24111010697	Vũ Văn	Thành	UV	24	25	24	20	93	XS	
7	24113020473	Trương Chung	Huê	TT	24	25	23	19	91	XS	
8	24113020744	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	PBT	27	25	20	19	91	XS	
9	24113020890	Phan Nguyễn Nhã	Thy		26	25	25	15	91	XS	
10	24113020565	Phạm Quốc	Tân	LT	22	25	20	23	90	XS	
11	24113020341	Đới Xuân	Phước	TT	26	25	20	16	87	Tốt	
12	24113020330	Phạm Thị Thu	Phương		28	25	20	11	84	Tốt	
13	24113021032	Lê Thị Bích	Phượng		28	25	19	10	82	Tốt	
14	24113020359	Trần Lê Anh	Thư		24	25	20	13	82	Tốt	
15	24113020247	Nguyễn Ngọc	Hải	LP	24	25	16	16	81	Tốt	
16	24113020283	Nguyễn Anh	Thư	TT	26	25	17	13	81	Tốt	
17	24113020626	Nguyễn Bảo	An		25	25	19	11	80	Tốt	
18	24113020639	Đặng Văn	Công	UV	26	25	16	13	80	Tốt	
19	24113020408	Đặng Như	Huyền	TT	26	25	16	13	80	Tốt	
20	24113020349	Huỳnh Hoàng	Phúc		22	25	22	11	80	Tốt	
21	24111010427	Lê Nguyễn Khánh	Vy		26	25	19	10	80	Tốt	
22	24113020578	Đào Mạnh	Cường		24	25	19	10	78	Khá	
23	24113020795	Bùi Nguyễn Thùy	Dương	TT	26	25	15	12	78	Khá	
24	24113020537	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		22	25	20	11	78	Khá	
25	24113020681	Trần Văn	Ninh		22	25	20	11	78	Khá	
26	24113020752	Nguyễn Hồ Trúc	Vy		25	25	18	10	78	Khá	
27	24113020624	Đỗ Chí	Nam		24	25	18	10	77	Khá	
28	24113020530	Trương Văn	Cường		26	25	17	8	76	Khá	
29	24113020513	Nguyễn Thủy	Dương		19	25	21	11	76	Khá	
30	24113020452	Nguyễn Thị Kiều	Duyên		28	25	16	7	76	Khá	
31	24113020480	Huỳnh Nguyễn Thủy	Huỳnh		26	25	17	8	76	Khá	
32	24113020600	Lê Huỳnh Uyên	Nhi		23	25	18	10	76	Khá	
33	24111010198	Nguyễn Phạm Hạnh	Phúc	TT	23	25	16	12	76	Khá	
34	24113020645	Hà Thị	Thanh		26	25	17	8	76	Khá	
35	24113020358	Bùi Thị Thanh	Xuân		22	25	19	10	76	Khá	

36	24113020516	Trần Phú	Hải		26	25	17	7	75	Khá	
37	24113020368	Lê Bá Nhật	Tân		26	25	16	8	75	Khá	
38	24113020416	Trần Ngọc	Thảo		24	25	17	9	75	Khá	
39	24113020355	Lê Văn	Tuyển		25	25	17	8	75	Khá	
40	24113020545	Lê Thị Hồng	Ngọc		24	25	17	8	74	Khá	
41	24113020415	Phạm Trần Quỳnh	Như		20	25	19	10	74	Khá	
42	24113020489	Vũ Công	Thành		26	25	16	7	74	Khá	
43	24113020560	Mai Thị Thảo	Vi	TT	22	25	14	13	74	Khá	
44	24113020459	Dương Gia	Hân		26	25	14	8	73	Khá	
45	24113020407	Trần Khánh	Ngọc		24	25	16	8	73	Khá	
46	24113020234	Mai Bảo	Ngọc		26	25	15	7	73	Khá	
47	24113020510	Đặng Thị Ngọc	Bích		26	25	14	7	72	Khá	
48	24113020226	Hồ Thị Mỹ	Hạnh		24	25	16	7	72	Khá	
49	24111010590	Nguyễn Trần Ngọc	Ngân		24	25	16	7	72	Khá	
50	24113020357	Nguyễn Văn	Trường		23	25	16	8	72	Khá	
51	24113020366	Hà Thị Mỹ	Linh		25	25	14	7	71	Khá	
52	24113020745	Ngô Thị Kiều	Quy		22	25	16	8	71	Khá	
53	24113020378	Trương Ngọc	Ánh		24	25	14	7	70	Khá	
54	24113020325	Lê Trần Thủy	Dương		24	25	14	7	70	Khá	
55	24113020400	Phạm Đức	Duy		23	25	14	8	70	Khá	
56	24113020433	Nguyễn Như Đông	Hải		22	25	16	7	70	Khá	
57	24113020377	Trần Đỗ Gia	Hân		24	25	14	7	70	Khá	
58	24113020465	Nguyễn Khải	Hoàn		24	25	14	7	70	Khá	
59	24113020555	Vũ Huy	Hoàng		24	25	14	7	70	Khá	
60	24113020548	Nguyễn Trần Quốc	Hoàng		24	25	14	7	70	Khá	
61	24113020476	Lê Gia	Huy		23	25	14	8	70	Khá	
62	24111010254	Nguyễn Trần Thảo	My		24	25	14	7	70	Khá	
63	24113020323	Bùi Kim	Ngân		24	25	14	7	70	Khá	
64	24113020514	Huỳnh Thị Yên	Nhi		22	25	15	8	70	Khá	
65	24113020285	Lê Thị Loan	Phượng		21	25	16	8	70	Khá	
66	24113020426	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư		24	25	14	7	70	Khá	
67	24113020382	Võ Trần Minh	Thư		24	25	14	7	70	Khá	
68	24113020321	Vũ Minh	Thuận		24	25	14	7	70	Khá	
69	24113020656	Nguyễn Ngọc	Tuyết		23	25	15	7	70	Khá	
70	24113020248	Vũ Quốc	Việt		23	25	15	7	70	Khá	
71	24113020350	Đặng Ngọc Bảo	Châu		22	25	14	7	68	TB	
72	24113020243	Huỳnh Thanh	Lộc		22	25	14	7	68	TB	
73	24112010230	Huỳnh Thị Bảo	Ly		22	25	14	7	68	TB	
74	24113020401	Phạm Thị Hồng	Nhung		21	25	15	7	68	TB	
75	24113021041	Lê Tiên	Phát		22	25	14	7	68	TB	
76	24113020405	Lê Hồng	Phát		21	25	15	7	68	TB	
77	24113020598	Trịnh Thị Hồng	Thắm		22	25	14	7	68	TB	
78	24111010464	Nguyễn Thị Minh	Thư		22	25	14	7	68	TB	
79	24113020643	Nguyễn Văn	Thuận		22	25	14	7	68	TB	
80	24113020775	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy		20	25	16	7	68	TB	
81	24113020894	Lê Thị Quỳnh	Trâm		22	25	14	7	68	TB	
82	24112010479	Lê Bảo	Uyên		22	25	14	7	68	TB	

83	25113021275	Huỳnh Minh	Thiện		19	25	13	5	62	TB	
84	25113021602	Phan Trương Quốc	Thông		24	25	25	12	86	Tốt	
85	25113021855	Lê Thị Thanh	Thùy		26	25	21.5	10	82.5	Tốt	
86	25113021774	Phạm Trần Anh	Thư		28	25	18	9	80	Tốt	
87	25113021604	Nguyễn Hồng	Trang	UV	28	25	25	20	98	XS	
88	25113022235	Nguyễn Võ Huyền	Trân		24	25	21	10	80	Tốt	
89	25113021449	Quảng Trọng	Trần	TT	26	25	19.5	13	83.5	Tốt	
90	25113021951	Nguyễn Đình Phú	Trọng		26	23	22	10	81	Tốt	
91	25113021825	Huỳnh Nhật	Trường		26	25	21	10	82	Tốt	
92	25113021515	Phan Tường	Vân		24	23	20	10	77	Khá	
93	25113021627	Ngô Kỳ	Vân	BT	26	25	24	20	95	XS	
94	25113021660	Tiêu Huy	Vũ	TT	23	25	20.5	15	83.5	Tốt	
95	25113021574	Lê Bùi Uyên	Vy		24	25	21	10	80	Tốt	
96	25113021862	Nguyễn Ngọc Phương	Vy		24	23	20	10	77	Khá	
97	25113022184	Trần Thị Trúc	Vy		21	25	25	11	82	Tốt	
98	25113021528	Trần Đoàn Thái	Vỹ		15	23	12	2	52	TB	
99	25113021911	Trương Bảo	Xuyên	TT	26	25	25	20	96	XS	
100	25113021707	Bùi Thị Như	Ý		24	25	23	10	82	Tốt	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	17	17%
Tốt	49	49%
Khá	30	30%
TB	4	4%
Yếu	0	0%
Tổng	100	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 2 năm 2026



NGUYỄN VĂN TÍNH

TP.CTHSSV

Tổng Văn Nam

NGƯỜI TỔNG HỢP

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA 2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày...17...tháng...04...năm...2026... Của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	25113021803	Trương Quốc	An		22	25	20	8	75	Khá	
2	25113021729	Trần Tuyết	Anh		26	23	22	12	83	Tốt	
3	25113021842	Huỳnh Thị Lan	Anh		28	25	20	8	81	Tốt	
4	25113021845	Hoàng Thế	Anh	LT	26	25	20	19	90	XS	
5	25111012107	Phạm Trà Thái	Bình		24	23	17	8	72	Khá	
6	25113021485	Đặng Thái	Bình		22	25	21.5	9	77.5	Khá	
7	25113021725	Phạm Đình Khanh	Bình		25	23	19	8	75	Khá	
8	25113021892	Nguyễn Thị Kim	Cương		28	25	25	12	90	XS	
9	25113021641	Hoàng Văn	Chiến	UV	24	25	19	12	80	Tốt	
10	25113021888	Nguyễn Công	Danh		22	25	19	8	74	Khá	
11	25113021917	Nguyễn Văn Thế	Đang		28	25	20	8	81	Tốt	
12	25113021732	Đào Nhật	Đặng		22	25	15	8	70	Khá	
13	25113022006	Phạm Hoàng Bảo	Đon		28	25	25	12	90	XS	
14	25113021478	Hoàng Anh	Đức		26	25	25	15	91	XS	
15	25113021692	Nguyễn Anh	Đức		26	25	17	8	76	Khá	
16	25113021832	Trần Anh	Đức		26	25	22	10	83	Tốt	
17	25113021471	Nguyễn Hồng	Hải		24	25	14	7	70	Khá	
18	25113021664	Lê Thanh	Hải		24	23	22	10	79	Khá	
19	25113021719	Hứa Minh	Hạnh		28	25	25	15	93	XS	
20	25113021644	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		24	25	19.5	10	78.5	Khá	
21	25113021472	Lê Đình	Hiếu		28	23	21	12	84	Tốt	
22	25113021744	Trương Thị Thu	Hoài		26	25	20	10	81	Tốt	
23	25113021483	Nguyễn Khánh	Hoàng		24	23	23.5	10	80.5	Tốt	
24	25113021526	Đỗ Nguyễn Phương	Huy		19	23	17.5	8	67.5	TB	
25	25113021711	Võ Quốc	Huy		22	25	25	10	82	Tốt	
26	25113021810	Phan Nguyễn Ngọc	Huy		24	25	17	8	74	Khá	
27	25113021867	Trương Đan	Huy	TT	28	25	25	20	98	XS	
28	25113021921	Triệu Kim	Hương		28	25	23.5	10	86.5	Tốt	
29	25113021691	Trần Ngọc Duy	Kha		28	25	22	10	85	Tốt	
30	25113021760	Phan	Khải		26	25	19	10	80	Tốt	
31	25113022224	Nguyễn Phú Gia	Khang		28	25	24	13	90	XS	
32	25113021977	Nguyễn Thị Mai	Khanh	LPHT	28	25	24	20	97	XS	
33	25113021696	Trần Đăng	Khoa		24	25	16.5	8	73.5	Khá	
34	25113020071	Lý Kim	Khuê		28	25	25	12	90	XS	
35	25113021835	Nguyễn Ngọc	Linh		28	25	20	10	83	Tốt	

36	25113021918	Trần Nguyễn Khánh	Linh		28	25	25	15	93	XS	
37	25113021955	Mai Thùy	Linh		28	23	19	10	80	Tốt	
38	25113021564	Tôn Thất	Long		26	25	20	10	81	Tốt	
39	25113021525	Trần Lưu Thị Ngọc	Luyến		24	25	25	15	89	Tốt	
40	25113021994	Điền Thị Diệp	Ly		22	25	19	10	76	Khá	
41	25113021541	Võ Thị Xuân	Mai		26	25	20	10	81	Tốt	
42	25113021697	Vương Thị Ngọc	Mai		24	25	18.5	10	77.5	Khá	
43	25113022123	Vũ Thị Tuyết	Mai		26	23	18	9	76	Khá	
44	25113021568	Phạm Mai	Mi		26	25	19	10	80	Tốt	
45	25113021486	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	My		28	25	25	13	91	XS	
46	25112011479	Đặng Thị Thùy	Mỹ		26	25	19.5	10	80.5	Tốt	
47	25111011828	Lê Văn	Nam		24	25	17	8	74	Khá	
48	25113021264	Nguyễn Võ Mỹ	Ngân		28	25	24	10	87	Tốt	
49	25113021588	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc		28	23	19	10	80	Tốt	
50	25113021598	Lê Vũ Tuệ	Nguyên		24	25	15	6	70	Khá	
51	25113022094	Lê Bình	Nguyên		24	25	25	15	89	Tốt	
52	25113021508	Lưu Thiện Phước	Nhân		22	25	23	10	80	Tốt	
53	25113021817	Trương Thành	Nhân		24	25	16	6	71	Khá	
54	25113021445	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi		28	25	20	10	83	Tốt	
55	25113021496	Phan Ngọc Bảo	Nhi		28	25	20	10	83	Tốt	
56	25113021851	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi		26	25	19	10	80	Tốt	
57	25113021887	Trần Yên	Nhi		26	25	22.5	10	83.5	Tốt	
58	25113021895	Nguyễn Ngọc Tiểu	Nhi		26	23	17	8	74	Khá	
59	25113021900	Đỗ Thị Hồng	Nhung		22	25	23.5	10	80.5	Tốt	
60	25113022018	Đào Huỳnh	Như	PBT	28	25	25	20	98	XS	
61	25113021952	Lê Ngọc Kiều	Oanh		30	25	25	17	97	XS	
62	25113021409	Nguyễn Duy	Phong		13	25	13	6	57	TB	
63	25113021455	Nguyễn Thái	Phú		26	23	19	10	78	Khá	
64	25113021610	Lê Hoàng	Phú		26	25	19	10	80	Tốt	
65	25113021665	Trần Như	Phú		22	25	19	10	76	Khá	
66	25113021281	Hồ Trọng	Phúc		26	25	17	10	78	Khá	
67	25113021465	Dư Đức Bảo	Phúc		24	25	21	10	80	Tốt	
68	25113022064	Nguyễn Xuân	Phúc		28	25	18	10	81	Tốt	
69	25113020070	Hoàng Thị	Phương		22	25	22	10	79	Khá	
70	25113021529	Lê Văn	Phương		24	25	15	6	70	Khá	
71	25113021366	Phạm Diễm	Quỳnh		28	25	20	10	83	Tốt	
72	25113021477	Nguyễn Lê Bảo	Son		24	25	24	12	85	Tốt	
73	25113021967	Lại Nhật	Tân		26	25	16	7	74	Khá	
74	25113021679	Trần Thị Thủy	Tiên		26	25	21	10	82	Tốt	
75	25113021618	Lý Nhật	Tiên		26	25	19.5	10	80.5	Tốt	
76	25113021734	Trần Gia	Tùng		22	25	18	10	75	Khá	
77	25113021881	Phạm Thanh	Tùng		24	23	16	7	70	Khá	
78	25113021684	Nguyễn Thế	Tuyền	TT	28	25	25	20	98	XS	
79	25113021273	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		28	25	21	10	84	Tốt	
80	25113021577	Dương Minh	Thái		22	25	19	10	76	Khá	
81	25113021522	Nguyễn Thuận	Thảo		28	23	21	10	82	Tốt	
82	25113021527	Nguyễn Lê Dạ	Thảo		24	23	24	12	83	Tốt	

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG HỘ SINH 15**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày... 11... tháng... 04... năm 2026... Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	25111021704	Phạm Thị Ngọc	Anh		26	25	25	13	89	Tốt	
2	25112012217	Kim Thị	Bê		22	25	25	13	85	Tốt	
3	25111022048	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		28	25	25	13	91	XS	
4	25111021766	Lê Thu	Hằng		22	25	16	8	71	Khá	
5	25111021986	Trịnh Thị Quỳnh	Hoa		26	25	20	10	81	Tốt	
6	25111021583	Lương An	Hòa	TT	22	25	20	15	82	Tốt	
7	25111022089	Nguyễn Thị Thanh	Hoài		22	25	15	8	70	Khá	
8	25111021908	Nguyễn Thị	Huyền		24	25	19	8	76	Khá	
9	25111022019	Ngô Khánh	Linh		22	25	15	10	72	Khá	
10	25111022052	Nguyễn Thị Trúc	Linh		24	25	18	8	75	Khá	
11	25111021829	Trần Thị Khánh	Linh		26	25	25	13	89	Tốt	
12	25111022173	Nguyễn Ngọc	Loan		22	25	15	10	72	Khá	
13	25111022215	Lê Thị Thúy	Loan		24	25	15	10	74	Khá	
14	25111021533	Phạm Trà	My		22	25	13	8	68	TB	
15	25111021544	Vũ Kiều	My		26	25	25	13	89	Tốt	
16	25111022100	Thái Thị Kim	Ngân		24	25	16	10	75	Khá	
17	25111021646	Võ Hoàng Trúc	Ngân		26	25	16	10	77	Khá	
18	25111022012	Ngô Nguyễn Hồng	Ngọc		24	25	16	10	75	Khá	
19	25111012002	Nguyễn Hạnh	Nguyên		26	25	25	20	96	XS	
20	25111021592	Nguyễn Phạm Thảo	Nguyên		26	25	20	10	81	Tốt	
21	25111022106	Hồ Thị Ngọc	Nhi		26	25	15	10	76	Khá	
22	25111022221	Đặng Thị Phương	Nhi		20	25	13	8	66	TB	
23	25111021675	Nguyễn Thị Kim	Nhi		22	25	16	8	71	Khá	
24	25111021880	Nguyễn Ngọc	Như		24	25	16	8	73	Khá	
25	25111022175	Dương Thị Thanh	Phuong		24	25	15	8	72	Khá	
26	25111011989	Nguyễn Đoàn Kim	Phượng		24	25	15	8	72	Khá	
27	25111021864	Nguyễn Ánh	Tuyết		24	25	20	10	79	Khá	
28	25111022051	Vũ Thanh	Thảo		24	25	18	8	75	Khá	
29	25111022218	Ngô Ngọc Phương	Thảo		20	25	13	8	66	TB	
30	25111021548	Trần Thanh	Thảo	LT	26	25	25	20	96	XS	
31	25111021510	Nguyễn Vũ Anh	Thi		24	25	22	10	81	Tốt	
32	25112012031	Trương Thị Minh	Thư	BT	26	25	25	20	96	XS	
33	25111021775	Đỗ Anh	Thư	TT	28	25	25	18	96	XS	
34	25111022213	Ngô Nguyễn Hà	Thy		24	25	19	10	78	Khá	
35	25111022191	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	TT	26	25	19	15	85	Tốt	

36	25111021846	Nguyễn Trần Ngọc Bắc	Trân		24	25	25	13	87	Tốt	
37	25111022096	Nguyễn Võ Thùy	Trúc		22	25	18	8	73	Khá	
38	25111022014	Nguyễn Lưu Tường	Vân	PBT	28	25	25	20	98	XS	
39	25111011266	Trần Nguyệt Thanh	Vy		24	25	18	8	75	Khá	
40	25111021812	Huỳnh Nguyễn Thảo	Vy		28	25	25	13	91	XS	
41	25111011519	Nguyễn Ngô Ai	Vy		24	25	13	8	70	Khá	
42	25111022156	Trần Ngọc Như	Ý	LPĐS	28	25	25	20	98	XS	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	8	19%
Tốt	10	24%
Khá	21	50%
TB	3	7%
Yếu	0	0%
Tổng	42	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**LỚP CAO ĐẲNG HỘ SINH 14**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày...17...tháng...04...năm...2026... Của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)


STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	24111020872	Thị	Ane		28	25	22	15	90	XS	
2	24111020701	Nguyễn Thị Lê	Anh		26	25	14	9	74	Khá	
3	24111020885	Lê Thị Lan	Anh		28	25	23.5	15	91.5	XS	
4	24111021057	Lê Thị Kim	Chi		28	25	19.5	13	85.5	Tốt	
5	24111020593	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		28	25	25	15	93	XS	
6	24111020352	Trần Thị	Dương	LT	28	25	25	20	98	XS	
7	24111020420	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng		28	25	25	15	93	XS	
8	24111020650	Nguyễn Ngọc	Hân	PDS	28	25	25	20	98	XS	
9	24111020769	Nguyễn Ngọc	Hân		26	25	21.5	15	87.5	Tốt	
10	24111020800	Vương Ngọc	Hân		28	25	22	15	90	XS	
11	24111020589	Nguyễn Thị	Hòa		26	25	24.5	15	90.5	XS	
12	24111020612	Nguyễn Ngọc	Huyền		28	25	25	15	93	XS	
13	24111020859	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		28	25	15	13	81	Tốt	
14	24111020570	Lương Thị	Hương	UV	28	25	25	20	98	XS	
15	24111020195	Nguyễn Thị Nhựt	Hỷ	BT	28	25	25	20	98	XS	
16	24111010327	Võ Thị Mỹ	Linh		28	25	25	15	93	XS	
17	24111020792	Nguyễn Mỹ	Linh		28	25	23.5	15	91.5	XS	
18	24111020829	Mai Gia	Linh		28	25	19.5	13	85.5	Tốt	
19	24111020772	Dương Thị Cẩm	Ly	TT	28	25	23.5	20	96.5	XS	
20	24111021070	Nguyễn Khánh	Ly		28	25	16	10	79	Khá	
21	24111020515	Trần Thị Tuyết	Mai		28	25	24.5	15	92.5	XS	
22	24111020763	Huỳnh Thanh	Mai	LP	28	25	21	19	93	XS	
23	24111020884	Nguyễn Thị Kiều	My		22	25	13	9	69	TB	
24	24111020770	Trần Thị Thu	Ngân	PBT	28	25	25	20	98	XS	
25	24111010517	Nguyễn Khánh	Ngọc		28	25	22.5	15	90.5	XS	
26	24111020192	Trần Thị	Ngọc	TT	30	25	25	20	100	XS	
27	24111020361	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		26	25	17.5	15	83.5	Tốt	
28	24111020777	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc		28	25	23.5	15	91.5	XS	
29	24111020688	Lý Trần Ngọc	Nhi		28	25	23	15	91	XS	
30	24111020793	Đỗ Gia Tuyết	Nhi		24	25	20	15	84	Tốt	
31	24111020870	Nguyễn Hoài Trang	Nhi		24	25	15	13	77	Khá	
32	24111020607	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		28	25	25	15	93	XS	
33	24111010551	Hồ Thị Tú	Oanh		28	25	16.5	13	82.5	Tốt	
34	24111020730	Lê Hoa Mỹ	Quyên	TT	27	25	25	20	97	XS	
35	24111020288	Trần Thị Tú	Sương		28	25	25	15	93	XS	


36	24111010511	Nguyễn Cao	Tài		28	25	25	15	93	XS	
37	24111010057	Trần Thị	Thanh		28	25	25	15	93	XS	
38	24111020082	Nguyễn Thị Phương	Thanh		28	25	25	15	93	XS	
39	24111020788	Nguyễn Thị Cẩm	Thị		28	25	25	15	93	XS	
40	24111020399	Trần Thị Kim	Thoa		28	25	25	15	93	XS	
41	24111020558	Trần Thị Thanh	Thơ		26	25	20.5	15	86.5	Tốt	
42	24111020572	Phạm Thị	Thom		28	25	25	15	93	XS	
43	24111020485	Mai Thị Hồng	Thúy		28	25	22.5	15	90.5	XS	
44	24111020564	Lê Thanh	Thư		28	25	17.5	13	83.5	Tốt	
45	24111020821	Nguyễn Thị Anh	Thư		23	25	25	15	88	Tốt	
46	24111020838	Thiều Thị Minh	Thư		27	25	25	15	92	XS	
47	24111020207	Trần Lê Bảo	Trân		24	25	24	15	88	Tốt	
48	24111020210	Trần Thị Quế	Trân		23	25	13	9	70	Khá	
49	24111020284	Nguyễn Nhật Tường	Vy		28	25	25	15	93	XS	
50	24111020432	Nguyễn Thị Tường	Vy		28	25	25	15	93	XS	
51	24111020811	Nguyễn Đào Tường	Vy		28	25	23.5	15	91.5	XS	
52	24111020597	Trần Thị Bích	Loan		28	25	16	13	82	Tốt	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	35	67%
Tốt	12	23%
Khá	4	8%
TB	1	2%
Yếu	0	0%
Tổng	52	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG CAO ĐẲNG Y TẾ**  
**BÌNH DƯƠNG**  
**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP.CTHSSV**  
  
**Tổng Văn Nam**

**NGƯỜI TỔNG HỢP**  
  
**Đỗ Thị Thu Phương**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG HỘ SINH 13**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT, ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Hiệu Trường Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	23111020692	Lê Thị Thu	Lan		24	23	23	15	85	Tốt	
2	23111020765	Đỗ Thị Bích	Trâm		26	25	25	15	91	XS	
3	23111021174	Hoàng Thị	Điệp		24	25	20	15	84	Tốt	
4	23111021094	Nguyễn Thị Hoài	Trình		26	25	24	15	90	XS	
5	23111020874	Bùi Thị Mộng	Tuyền	PĐS	26	25	25	20	96	XS	
6	23111020825	Nguyễn Thị Linh	Anh	PHT	24	25	25	20	94	XS	
7	23111020908	Lê Thị Kim	Anh		26	25	25	15	91	XS	
8	23111021096	Phạm Nguyễn Tuyết	Mai	LT	24	25	21	20	90	XS	
9	23111020803	Dương Lê Ánh	Phượng		24	25	23	15	87	Tốt	
10	23111021139	Lê Bảo	Linh	UV	26	25	25	20	96	XS	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	7	70%
Tốt	3	30%
Khá	0	0%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
Tổng	10	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026



NGUYỄN VĂN TÍNH

TP.CTHSSV

Tổng Văn Nam

NGƯỜI TỔNG HỢP

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 16A2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày... 17... tháng... 04... năm 2025.. Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	23111010559	Lê Thị Phương	Anh	TT	22	25	14	15	76	Khá	
2	23111011137	Lưu Văn Tuấn	Anh		22	25	15	15	77	Khá	
3	23111010883	Trương Quốc	Cường		24	25	15	10	74	Khá	
4	23111011085	Phạm Thanh	Hằng		24	25	16	15	80	Tốt	
5	23111010833	Vũ	Hồng		24	25	16	15	80	Tốt	
6	23111010713	Lê Thị Thanh	Huyền		22	25	14	10	71	Khá	
7	23111010738	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TT	22	25	13	15	75	Khá	
8	23111010797	Nguyễn Trần Duy	Long		19	25	12	7	63	TB	
9	23111010652	Nguyễn Thị Xuân	Mai	LPHT	24	25	19	18	86	Tốt	
10	23111011130	Hồ Thị Trà	Mi		26	25	17	15	83	Tốt	
11	23111010868	Nguyễn Phan Trà	My		26	25	20	15	86	Tốt	
12	23111010735	Đinh Thị Xuân	Nghi		24	25	17	15	81	Tốt	
13	23111010914	Phan Thanh	Nhàn		24	25	15	10	74	Khá	
14	23112011020	Huỳnh Ngọc Thuý	Nhi		24	25	19	15	83	Tốt	
15	23111010864	Lê Thị Hồng	Nhung		26	25	20	15	86	Tốt	
16	23111010737	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		22	25	21	15	83	Tốt	
17	23111011215	Nguyễn Phạm Yến	Như		26	25	14	15	80	Tốt	
18	23111010762	Đỗ Vũ Anh	Phương		22	25	17	10	74	Khá	
19	23111010829	Đoàn Ngọc Như	Phương		20	25	18	10	73	Khá	
20	23111010636	Phan Nhã	Phương	UV	26	25	25	20	96	XS	
21	23111011084	Trần Văn	Tài		24	25	14	10	73	Khá	
22	23111010620	Dương Hồ Thuý	Tiên	LPĐS	24	25	15	18	82	Tốt	
23	23111011168	Bùi Gia	Thái		22	25	15	10	72	Khá	
24	23111010886	Trương Minh	Thư	LT	28	25	25	20	98	XS	
25	23111010867	Lê Thị Huyền	Trang		24	25	15	10	74	Khá	

26	23111010618	Bùi Sơn Ngọc	Trâm		26	25	17	13	<b>81</b>	<b>Tốt</b>	
27	23111010893	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	TT	26	25	18	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
28	23111010855	Bùi Thị Yên	Vi		22	25	17	10	<b>74</b>	<b>Khá</b>	
29	23111010439	Kiều Thị Ngọc	Yên		24	25	16	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	

Loại	SL	Tỉ lệ
<b>XS</b>	2	7%
<b>Tốt</b>	14	48%
<b>Khá</b>	12	41%
<b>TB</b>	1	3%
<b>Yếu</b>	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP.CTHSSV**

**NGƯỜI TỔNG HỢP**



*(Handwritten signature of Tông Văn Nam)*

*(Handwritten signature of Đỗ Thị Thu Phương)*

Tông Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 16A3**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT, ngày: 17 tháng 04 năm 2026 Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	23111010425	Lê Phan	Long	LT	26	25	25	20	96	XS	
2	23111010656	Nguyễn Hồng	Nguyễn	TT	24	25	13	15	77	Khá	
3	23111010694	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh		22	25	20	15	82	Tốt	
4	23111010838	Lê Gia	Thuận	BT	20	25	16	20	81	Tốt	
5	23111010865	Bùi Thị	Là	LPDS	26	25	25	20	96	XS	
6	23111010905	Lê Ngọc Huyền	Linh		22	25	18	15	80	Tốt	
7	23111010958	Đặng Thị	Hiệp		24	25	18	13	80	Tốt	
8	23111010974	Võ Minh	Tâm	TT	21	25	16	15	77	Khá	
9	23111010976	Trịnh Thị Ngọc	Diễm		24	25	17	15	81	Tốt	
10	23111011003	Liêu Nhật	Hồng		24	25	14	10	73	Khá	
11	23111011058	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh		26	25	22	12	85	Tốt	
12	23111011065	Lê Thị Kim	Trinh	TT	26	25	22	20	93	XS	
13	23111011066	Thi Tấn	Phát	TT	26	25	22	20	93	XS	
14	23111011067	Trần Thị	Trang		24	25	14	10	73	Khá	
15	23111011088	Trần Phan Thanh	Thúy		20	25	18	10	73	Khá	
16	23111011098	Nguyễn Ngọc	Hương		26	25	15	15	81	Tốt	
17	23111011106	Vũ Phương	Nhi		22	25	17	10	74	Khá	
18	23111011108	Hoàng Duy	Học		18	25	18	10	71	Khá	
19	23111011109	Hồ Ngọc	Son		21	25	18	10	74	Khá	
20	23111011110	Nguyễn Thị	Hiền	LPHT	28	25	25	20	98	XS	
21	23111011114	Lưu Huỳnh	Như		22	25	16	10	73	Khá	
22	23111011115	Mai Thúy	Loan	PBT	26	25	25	20	96	XS	
23	23111011119	Lê Hồng	Thương		24	25	18	13	80	Tốt	
24	23111011122	Dương Thị	Loan		26	25	18	13	82	Tốt	
25	23111011128	Lê Sỹ	Đạt		24	25	23	15	87	Tốt	

26	23112010645	Nguyễn Ngọc	Trang		22	25	17	10	74	Khá	
27	23112010680	Trần Hoàng Yến	Nhi		22	25	14	10	71	Khá	
28	23213010860	Ngô Tiến	Đạt		19	25	18	10	72	Khá	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	6	21%
Tốt	10	36%
Khá	12	43%
TB	0	0%
Yếu	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>28</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 2 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



*(Handwritten signature of Tống Văn Nam)*

*(Handwritten signature of Đỗ Thị Thu Phương)*

Tống Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 16B1**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT, ngày...17...tháng...04...năm 2026... Của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	23111010001	Dương Thị Ngọc	Trinh	TT	26	25	25	20	96	XS	
2	23111010143	Hồ Minh	Tuấn		24	25	19	15	83	Tốt	
3	23111010318	Nguyễn Minh	Tài	Phó BT	26	25	25	20	96	XS	
4	23111010588	Đinh Bá	Lộc		22	25	11	12	70	Khá	
5	23111010601	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	TT	26	25	23	18	92	XS	
6	23111010608	Cao Thị Ngọc	Huyền	PHT	26	25	25	20	96	XS	
7	23111010702	Phạm Anh	Hào		22	25	14	10	71	Khá	
8	23111010779	Trương Hải	Yến		22	25	15	13	75	Khá	
9	23111010841	H' Đa Nia	Hmok		23	25	15	13	76	Khá	
10	23111010863	Tăng Trí	Tài		24	25	20	15	84	Tốt	
11	23111010902	Phan Thị Thanh	Thảo		26	25	19	15	85	Tốt	
12	23111010916	Hồ Ngọc Phương	Thanh		22	25	15	12	74	Khá	
13	23111010921	Huỳnh Thị Thanh	Ngân		20	25	13	12	70	Khá	
14	23111010930	Nguyễn Quỳnh	My		26	25	17	15	83	Tốt	
15	23111010932	Nguyễn Phi	Bằng		26	25	24	15	90	XS	
16	23111010941	Trần Lâm Triệu	Cơ	LT	26	25	23	20	94	XS	
17	23111010955	Lương Văn	Vũ	BT	26	25	25	20	96	XS	
18	23111010957	Bùi Thị Ngọc	Trinh		26	25	25	20	96	XS	
19	23111010963	Nguyễn Thị Bảo	Nghi		22	25	13	12	72	Khá	
20	23111010975	Huỳnh Đặng Thanh	Tâm	PĐS	26	25	19	20	90	XS	
21	23111011171	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	UV	26	25	25	20	96	XS	
22	23111011222	Chiêm Gia	Nguyên	TT	24	25	21	20	90	XS	
23	23111011223	Hồ Thị Quỳnh	Trang		20	25	13	12	70	Khá	

24	23112010400	Huỳnh Thị Trúc	My		24	25	19	15	<b>83</b>	<b>Tốt</b>	
25	23111010595	Phan Thị Yên	Nhi		11	19	10	10	<b>50</b>	<b>TB</b>	

Loại	SL	Tỉ lệ
<b>XS</b>	11	44%
<b>Tốt</b>	5	20%
<b>Khá</b>	8	32%
<b>TB</b>	1	4%
<b>Yếu</b>	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP.CTHSSV**

**NGƯỜI TỔNG HỢP**



*(Handwritten signature of Tổng Văn Nam)*

*(Handwritten signature of Đỗ Thị Thu Phương)*

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 16B2**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày... 17... tháng... 04... năm 2026... Của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	22111010566	Phạm Thị Thùy	Trang		20	25	13	12	70	Khá	
2	22111010739	Nguyễn Khánh	Linh		11	19	10	10	50	TB	
3	23111010419	Nguyễn Thanh	Phong		24	25	21	15	85	Tốt	
4	23111010548	Trần Thị Mỹ	Hạnh		22	25	13	12	72	Khá	
5	23111010606	Nguyễn Tấn	Đạt		24	25	20	15	84	Tốt	
6	23111010607	Lê Thị Hạ	Vy		24	25	13	12	74	Khá	
7	23111010655	Vũ Thị Mỹ	Linh		24	25	19	12	80	Tốt	
8	23111010703	Nguyễn Thị Thu	Huyền		26	25	21	15	87	Tốt	
9	23111010750	Lê Ngọc Kim	Ngân	LT	24	25	19	20	88	Tốt	
10	23111010773	Trương Kim	Phượng		26	25	17	12	80	Tốt	
11	23111010788	Trần Thị Thúy	An		22	25	17	12	76	Khá	
12	23111010792	Đoàn Hồng	Ngân	TT	22	25	17	17	81	Tốt	
13	23111010875	Phạm Ngọc Anh	Tuấn		22	25	18	15	80	Tốt	
14	23111010877	Phạm Thanh	Tài	PĐS	24	25	22	20	91	XS	
15	23111010900	Lê Ngọc Thảo	My		20	25	14	12	71	Khá	
16	23111010946	Nguyễn Nhật	Tân		20	25	14	12	71	Khá	
17	23111010979	Trần Thị Tuyết	Nhung		22	25	17	13	77	Khá	
18	23111010980	Điền Thanh	Hùng		22	25	17	13	77	Khá	
19	23111010982	Đình Việt	Hoàng		20	25	13	12	70	Khá	
20	23111011052	Trần Thị Mỹ	Ngọc	PHT	24	25	23	20	92	XS	
21	23111011061	Nguyễn Thị Yến	Nhi		22	25	14	12	73	Khá	
22	23111011063	Lê Nguyễn Bảo	Trân		22	25	21	15	83	Tốt	
23	23111011175	Lê Hồ Phương	Ngân		24	25	14	12	75	Khá	
24	23111021007	Lâm Thanh	Tuyền		22	25	18	15	80	Tốt	
25	23112010826	Bùi Thị Như	Hào		22	25	13	12	72	Khá	
26	23112011044	Trần Thị Huyền	Trang		26	25	25	15	91	XS	
27	23112011101	Nguyễn Ngọc Linh	Phương		20	25	13	12	70	Khá	

28	22111010364	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		20	25	13	12	<b>70</b>	<b>Khá</b>	
29	23111010907	Dương Gia	Huy		11	19	10	10	<b>50</b>	<b>TB</b>	

Loại	SL	Tỉ lệ
<b>XS</b>	3	10%
<b>Tốt</b>	10	34%
<b>Khá</b>	14	48%
<b>TB</b>	2	7%
<b>Yếu</b>	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 1 năm 2026

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TP.CTHSSV**

**NGƯỜI TỔNG HỢP**



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

Tống Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 16A1**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày...17...tháng...04...năm 2026... Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	23111010074	Trần Ngọc Thanh	Tuyền	TT	24	25	17	15	81	Tốt	
2	23111010075	Nguyễn Thị Yên	Nhi	LPĐS	26	25	22	20	93	XS	
3	23111010091	Phạm Công Đại	Phú	LPHT	24	25	12	20	81	Tốt	
4	23111010478	Nguyễn Tấn	Kiệt	TT	22	25	16	17	80	Tốt	
5	23111010545	Nguyễn Yên	Nhi		26	25	15	15	81	Tốt	
6	23111010556	Nguyễn Thị Thu	Ngân		26	25	20	10	81	Tốt	
7	23111010605	Phạm Thị Ngọc	Hà		22	25	14	10	71	Khá	
8	23111010628	Lê Minh	Trí		22	25	16	10	73	Khá	
9	23111010630	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	UV	26	25	25	20	96	XS	
10	23111010634	Hoàng Thị Yên	Vy		20	25	14	12	71	Khá	
11	23111010642	Trương Ngọc Phương	Thảo		22	25	13	10	70	Khá	
12	23111010650	Phạm Ngọc Thanh	Trúc		16	25	16	7	64	TB	
13	23111010664	Trần Phương	Uyên	LT	28	25	25	20	98	XS	
14	23111010678	Trần Thị Ngọc	Nhi		24	25	13	18	80	Tốt	
15	23111010704	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		18	25	15	12	70	Khá	
16	23111010709	Trần Thị	Hằng		26	25	22	12	85	Tốt	
17	23111010719	Nguyễn Thị Thu	Thảo		22	25	16	10	73	Khá	
18	23111010722	Chê Minh	Nhân		22	25	14	10	71	Khá	
19	23111010749	Phạm Thị Thanh	Huyền		22	25	16	10	73	Khá	
20	23111010767	Vũ Hoài	Nam	UV	26	25	13	17	81	Tốt	
21	23111010807	Nguyễn Mạnh	Duy		20	25	13	12	70	Khá	
22	23111010811	Phạm Nguyễn Hoàng	Long	TT	22	25	13	15	75	Khá	

23	23111010812	Lê Gia Bảo	Tuần		22	25	14	10	71	Khá	
24	23111010824	Phạm Tấn	Đạt	TT	24	25	18	15	82	Tốt	
25	23111010961	Lê Thị Thanh	Thảo		20	25	16	10	71	Khá	
26	23111011022	Mai Thị Nhật	Triều		23	25	16	10	74	Khá	
27	23111011135	Đỗ Kim	Ngân		20	25	13	12	70	Khá	
28	23112010699	Đỗ Thị Thanh	Tuyền		22	25	15	10	72	Khá	
29	23213010859	Nguyễn Văn	Hiền		22	25	16	10	73	Khá	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	3	10%
Tốt	9	31%
Khá	16	55%
TB	1	3%
Yếu	0	0%
Tổng	29	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 1 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



NGUYỄN VĂN TÍNH

*Handwritten signature of Tống Văn Nam*

Tống Văn Nam

*Handwritten signature of Đỗ Thị Thu Phương*

Đỗ Thị Thu Phương

83	24111010491	Ngô Quốc	Triệu		26	25	18	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
84	24111010668	Lê Thị Mĩ	Huyền		26	25	21	15	<b>87</b>	<b>Tốt</b>	
85	24111010702	Nguyễn Minh	Quang		28	25	23	15	<b>91</b>	<b>XS</b>	
86	24111010334	Trịnh Thị Thúy	Hồng		22	25	16	10	<b>73</b>	<b>Khá</b>	
87	24111010736	Dương Ngọc	Hân		26	25	16	10	<b>77</b>	<b>Khá</b>	
88	24111010698	Nguyễn Thanh Thúy	Vy		24	25	18	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
89	24111010873	Lê Thị	Huyền		25	23	14	13	<b>76</b>	<b>Khá</b>	
90	24111010757	Đặng Phan Ngọc	Hân		26	23	16	13	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
91	24112010815	Nguyễn Văn	Ý		26	17	12	13	<b>68</b>	<b>TB</b>	

Loại	SL	Tỉ lệ
<b>XS</b>	13	14%
<b>Tốt</b>	70	77%
<b>Khá</b>	7	8%
<b>TB</b>	1	1%
<b>Yếu</b>	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>91</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026



**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**TP.CTHSSV**

*[Handwritten signature]*

Tổng Văn Nam

**NGƯỜI TỔNG HỢP**

*[Handwritten signature]*

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 17C**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày.../...tháng.../...năm... của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	24111010711	Nguyễn Quốc	Trọng		25	25	16	15	81	Tốt	
2	24111010853	Đặng Văn	Ngọc		28	25	19	15	87	Tốt	
3	24111010743	Đoàn Minh	Tâm		22	25	20	15	82	Tốt	
4	24111010709	Dương Thị Cẩm	Tú		26	25	18	15	84	Tốt	
5	24112010850	Khúc Kim	Yến		28	25	18	12	83	Tốt	
6	24111010874	Lê Thị Bảo	Trần	LP	28	25	18	20	91	XS	
7	24111010687	Kiên Thị	Mai		26	25	16	10	82	Tốt	
8	24111010766	Huỳnh Thị Yến	Nhi		26	25	16	15	82	Tốt	
9	24111010728	Nguyễn Thị Thùy	Dương		26	25	18	15	84	Tốt	
10	24111010699	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		28	25	18	15	86	Tốt	
11	24111010240	Nguyễn Gia Thùy	Tiên		26	25	18	15	84	Tốt	
12	24112010753	Phạm Ngọc Anh	Thư		28	25	18	15	86	Tốt	
13	24111010380	Bùi Thị Thùy	Dung		24	25	16	15	81	Tốt	
14	24111010579	Trần Nguyễn Trúc	Thi		28	25	18	15	86	Tốt	
15	24111010695	Lê Thị Hồng	Ngọc		24	25	16	15	81	Tốt	
16	23111011173	Nguyễn Thị Thanh	Tú	TT	28	25	19	15	87	Tốt	
17	24111010760	Phan Văn	Hoàng	TT	26	25	20	20	91	XS	
18	24111010167	Lý Trí	Long		28	25	23	15	91	XS	
19	24111010712	Hoàng Vũ Phương	Thùy		26	25	21	15	87	Tốt	
20	24111010832	Trần Văn	Lương	LP	28	25	25	18	96	XS	
21	24111010175	Trần Nguyệt Phương	My		26	25	16	13	80	Tốt	
22	24111020371	Ngô Uyên	Nhi		28	25	18	15	86	Tốt	
23	24111010737	Hà Ngọc	Linh		28	25	16	13	82	Tốt	
24	24111011071	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		26	25	16	15	82	Tốt	
25	24111010659	Nguyễn Thị Thu	Huyền		24	25	18	13	80	Tốt	
26	24111011073	Nguyễn Trung	Tới		28	25	19	15	87	Tốt	
27	24111010680	Lê Phan Phương	Ứng	UV	28	25	21	20	94	XS	
28	24111010768	Nguyễn Phương Thùy	Tiên		26	25	20	15	86	Tốt	
29	24111010674	Đàng Thị Kim	Lên		22	25	16	15	80	Tốt	
30	24111010756	Mai Mỹ	Phụng		28	25	23	15	91	XS	
31	24111010658	Nguyễn Hoàng	Hương		22	25	13	15	75	Khá	
32	24111010633	Nguyễn Bảo	Sang		22	25	18	15	80	Tốt	
33	24112010826	Hà Thị Thiên	Nga		24	25	16	15	80	Tốt	
34	24111010844	Nguyễn Toàn	Nam		26	25	19	15	85	Tốt	
35	24111010762	Nguyễn Thị Thùy	Giang		26	25	16	15	82	Tốt	

36	24111011031	Trương Ngọc	Trâm	PBT	26	25	21	18	<b>90</b>	<b>XS</b>	
37	24111010704	Lê Thị Thanh	Trúc		24	25	16	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
38	24111010748	Lê Thị Tuyết	Trâm		24	25	21	13	<b>83</b>	<b>Tốt</b>	
39	24111010765	Trần Thị Mai	Linh		24	25	21	15	<b>85</b>	<b>Tốt</b>	
40	24111010855	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư		26	25	18	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
41	24111010720	Nguyễn Thị Phương	Nhi		22	25	21	15	<b>83</b>	<b>Tốt</b>	
42	24111010740	Trần Thị Thanh	Huyền		26	25	16	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
43	24111010721	Lý Thị Hồng	Vân		26	25	20	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	
44	24111010710	Nguyễn Thị Tú	Nhi		26	25	13	15	<b>79</b>	<b>Khá</b>	
45	24111010660	Tô Thị Uyên	Hồng		26	25	16	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
46	24111010837	Đình Hoàng Hải	Đặng	UV	26	25	20	20	<b>91</b>	<b>XS</b>	
47	24111010271	Vũ Thanh	Trúc		24	25	20	12	<b>81</b>	<b>Tốt</b>	
48	24111010849	Nguyễn Ngọc Phương	Hiền		28	25	18	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	
49	24112010134	Trần Đặng Thúy	Vy	LT	26	25	21	20	<b>92</b>	<b>XS</b>	
50	24111010726	Lê Thị Mỹ	Châu		26	25	18	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
51	24111010833	Trần Văn	Nhật		26	25	16	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
52	24111011033	Lê Ngọc Thảo	Vy		28	25	23	15	<b>91</b>	<b>XS</b>	
53	24111010761	Đặng Võ Minh	Thư		26	25	21	15	<b>87</b>	<b>Tốt</b>	
54	24111010691	Trần Thị Diễm	Mi		24	25	18	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
55	24111011025	Lê Thị Như	Ngọc	BT	28	25	23	20	<b>96</b>	<b>XS</b>	
56	24111010677	Nguyễn Thị Bích	Thùy		26	25	16	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
57	24111010828	Phạm Trần Thu	Thùy		24	25	13	15	<b>77</b>	<b>Khá</b>	
58	24111010255	Nguyễn Thị Ngọc	Vàng		28	25	18	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	
59	24111010666	Nguyễn Tấn	Sang		26	25	16	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
60	24111010717	Hồ Trương Kim	Ngân	TT	28	25	20	20	<b>91</b>	<b>XS</b>	
61	24111010436	Trần Anh	Huy		22	25	19	15	<b>81</b>	<b>Tốt</b>	
62	24111010608	Trịnh Thị Bích	Hậu		28	25	18	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	
63	24111010550	Phạm Thị Cẩm	Ni		26	25	14	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
64	24111010738	Đoàn Thị Khánh	Ly		28	25	16	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
65	24111010734	Lương Bích Ly	An	UV	24	25	18	20	<b>87</b>	<b>Tốt</b>	
66	24111010542	Phạm Hoài	Yến		25	25	16	15	<b>81</b>	<b>Tốt</b>	
67	24111010066	Phạm Văn	Tuấn		24	25	16	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
68	24111010830	Lại Thị Như	Huỳnh		19	25	13	15	<b>72</b>	<b>Khá</b>	
69	24111010858	Chế Thị Mai	Trinh		25	25	19	11	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
70	24111010774	Phùng Thị	Thơ		25	25	16	15	<b>83</b>	<b>Tốt</b>	
71	24111010412	Lê Thị Thanh	Hòa		24	25	16	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
72	24111010719	Tô Thị Mỹ	Hạnh		26	25	19	15	<b>85</b>	<b>Tốt</b>	
73	24111010435	Tạ Thị Thu	Trang		23	25	18	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
74	24111010887	Phạm Thị Khánh	Duy		24	25	18	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
75	24111010754	Nguyễn Hải	Đặng		24	25	19	15	<b>83</b>	<b>Tốt</b>	
76	24111010724	Bùi Thị Như	Quỳnh		28	25	18	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	
77	24111010732	Phan Khánh	Huyền		24	25	21	25	<b>85</b>	<b>Tốt</b>	
78	24111010524	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		26	25	16	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
79	24111010842	Đỗ Văn	Tiến		25	25	16	15	<b>80</b>	<b>Tốt</b>	
80	24111010623	Nguyễn Lan	Anh		26	25	18	15	<b>84</b>	<b>Tốt</b>	
81	24111010869	Phạm Thị Ngọc	Lan		24	25	18	15	<b>82</b>	<b>Tốt</b>	
82	24111010519	Lữ Thị Hồng	Quyên		28	25	18	15	<b>86</b>	<b>Tốt</b>	

74	24111010272	Nguyễn Dương Thanh	Thư		26	25	21	8	80	Tốt	
75	24111010553	Nguyễn Hoàng Anh	Thy		19	25	15	5	67	TB	
76	24111010395	Phạm Thị Đoan	Trang		26	25	23	9	84	Tốt	
77	24111010421	Nguyễn Ngọc	Trâm		28	25	24	10	87	Tốt	
78	24111010671	Nguyễn Thị Thuỳ	Trâm	PBT	24	25	25	20	95	XS	
79	24111010610	Trần Ngọc Quế	Trân		24	25	20	8	78	Khá	
80	24111010314	Cao Thị Thảo	Uyên		21	25	25	12	84	Tốt	
81	25111012236	Nguyễn Thị Thanh	Vân		22	25	17	7	73	Khá	
82	24111010557	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		28	25	24	10	87	Tốt	
83	24111010389	Nguyễn Huỳnh Thuý	Vi		22	25	21	8	77	Khá	
84	24111010306	Ngô Thanh	Vy		28	25	25	12	90	XS	
85	24111010467	Trần Thảo	Vy		24	25	25	12	87	Tốt	
86	24111010521	Nguyễn Thị Kim	Xuân		26	25	17	7	75	Khá	
87	24111010297	Trương Trần Thanh	Xuân		21	25	24	10	83	Tốt	
88	24111010634	Phạm Thị Hồng	Yến		26	25	23	9	83	Tốt	
89	24111010291	Đặng Thị Hoàng	Yến		21	25	25	12	84	Tốt	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	19	21%
Tốt	34	38%
Khá	29	33%
TB	7	8%
Yếu	0	0%
Tổng	89	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2026



NGUYỄN VĂN TÍNH

TP.CTHSSV

Tổng Văn Nam

NGƯỜI TỔNG HỢP

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 17B**

(Kèm theo Quyết định số: 289 /QĐ-CDYT, ngày...17.....tháng...04.....năm...2026. Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	24111010497	Đặng Thị Lan	Anh		26	25	25	12	88	Tốt	
2	24111010191	Huỳnh Quốc	Bảo		26	25	20	8	79	Khá	
3	24112010483	Phạm Gia	Bảo	UV	24	25	25	17	91	XS	
4	24111010613	Đỗ Huỳnh Bảo	Châu		28	25	25	12	90	XS	
5	24111010326	Đinh Thị Thủy	Diệu		26	25	19	8	78	Khá	
6	24111010463	Ngô Hoàng Ngọc	Diệu		26	25	20	10	81	Tốt	
7	24111010484	Trần Thanh	Duy		26	25	24	10	86	Tốt	
8	24111010258	Bồ Phạm Anh	Duy	Bí Thư	26	25	25	20	96	XS	
9	24111010546	Trần Khánh	Dương		21	25	22	9	79	Khá	
10	24111010417	Nguyễn Thị Linh	Đan		28	25	24	10	87	Tốt	
11	24111010442	Phạm Thị Anh	Đào	TT	26	25	23	14	89	Tốt	
12	24111010296	Trần Phú	Điền		22	25	25	10	83	Tốt	
13	24111010488	Hồ Đức	Đông		24	25	17	7	74	Khá	
14	24111010316	Quách Ngọc Quỳnh	Giang	LPDS	26	25	22	18	92	XS	
15	24111010501	Nguyễn Thị Cẩm	Hà		26	25	19	10	80	Tốt	
16	24111010620	Đỗ Thị Ngọc	Hà		26	25	23	9	83	Tốt	
17	24111010313	Đặng Thái	Hà		22	25	20	8	76	Khá	
18	24111010675	Vũ Phạm Hoàng	Hà		24	25	17	10	77	Khá	
19	24111010443	Nguyễn Tấn	Hải	UV	28	25	25	17	95	XS	
20	24111010079	Trịnh Ngọc	Hạnh		28	25	25	12	90	XS	
21	24111010445	Nguyễn Thị Kim	Hằng		24	25	25	12	87	Tốt	
22	24111010375	Trần Thị Thu	Hiền		28	25	21	8	82	Tốt	
23	24111010413	Lê Thị	Hiền		21	25	16	10	72	Khá	
24	24111010682	Đoàn Thu	Hiền	LPHT	26	25	25	20	96	XS	
25	24111010672	Trần Trung	Hiếu		22	25	16	6	69	TB	
26	24111010298	Nguyễn Văn	Hóa		24	25	21	8	78	Khá	
27	24111010364	Hà Hữu	Hoàn		26	25	18	7	77	Khá	
28	24113020477	Nguyễn Văn Vĩnh	Kỳ		23	25	19	8	77	Khá	
29	24111010722	Huỳnh Minh	Khang		28	25	23	9	85	Tốt	
30	24111010458	Nguyễn Đức Anh	Khoa		22	25	18	7	72	Khá	
31	24111010328	Nguyễn Ngọc Kim	Khuong		19	25	14	5	63	TB	
32	23111011027	Đỗ Hoài	Khuong		22	25	15	5	68	TB	
33	24111010059	Thị Gia	Lệ	LT	28	25	25	20	98	XS	

34	24111010632	Phan Thị Cẩm	Linh		17	25	13	5	60	TB	
35	24111010646	Nguyễn Thị Thùy	Linh		21	25	20	8	76	Khá	
36	24111010649	Trần Thị Thanh	Loan		24	25	25	12	87	Tốt	
37	24111010602	Trương Thị Ngọc	Ly		21	25	20	8	76	Khá	
38	24111010575	Lê Thị	Ly	TT	28	25	22	15	90	XS	
39	24111010108	Nguyễn Hà Cẩm	Ngân		28	25	25	12	90	XS	
40	24111010322	Phạm Thị Bích	Ngân		26	25	25	12	88	Tốt	
41	24111010592	Huỳnh Thị Ngọc	Ngân		26	25	21	8	80	Tốt	
42	24111011087	Thái Ngọc Kiều	Ngân		21	25	14	5	68	TB	
43	24111010307	Phạm Hà Thanh	Ngọc		28	25	24	10	87	Tốt	
44	24111010216	Bùi Thị Mỹ	Nguyên	TT	26	25	25	17	94	XS	
45	24111010725	Nguyễn Hồng	Nguyên		28	25	25	12	90	XS	
46	24111010614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		26	25	19	8	78	Khá	
47	24111010525	Trần Tuyết	Nhi		19	25	20	8	74	Khá	
48	24111010303	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	UV	24	25	25	17	91	XS	
49	24111010641	Hồ Thị Phương	Nhung		28	25	24	10	87	Tốt	
50	24111010595	Trần Thị	Nhung		28	25	20	8	81	Tốt	
51	24111010569	Huỳnh Thị Hồng	Nhung		26	25	25	12	88	Tốt	
52	24111010862	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhu		24	25	22	9	81	Tốt	
53	24111010245	Trần Thị Thu	Phuong		24	25	19	8	76	Khá	
54	24111010264	Nguyễn Thị Kim	Phượng		26	25	21	8	80	Tốt	
55	24111010365	Nguyễn Minh	Quân		26	25	19	8	78	Khá	
56	24111011069	Hoàng Thị Mai	Quyên		28	25	25	12	90	XS	
57	24112010504	Lê Thị Trúc	Quỳnh		26	25	19	8	79	Khá	
58	23111011008	Phan Thị Phương	Quỳnh		19	25	14	5	64	TB	
59	24111010644	Nguyễn Huỳnh Tố	Tâm		24	25	25	12	87	Tốt	
60	24111010166	Trần Thị Thanh	Tâm		28	25	25	12	90	XS	
61	24111010347	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		22	25	25	12	84	Tốt	
62	24111010320	Lê Thị Cẩm	Tiên		24	25	19	10	79	Khá	
63	24111010500	Nguyễn Đặng Thanh	Tuyền		24	25	22	9	81	Tốt	
64	24111010629	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền		28	25	25	12	90	XS	
65	24111010615	Lê Phương Thanh	Thảo		24	25	20	8	78	Khá	
66	24111010605	Thân Phạm Thanh	Thảo		28	25	24	10	87	Tốt	
67	24111010535	Nguyễn Triệu Duy	Thịnh		24	25	17	7	74	Khá	
68	24111010461	Cao Thị	Thu		22	25	18	7	74	Khá	
69	24111010242	Nguyễn Văn Tân	Thuận		22	25	17	7	72	Khá	
70	24111010450	Phạm Thị	Thùy		26	25	25	12	88	Tốt	
71	24111010402	Phan Thị Thu	Thùy		24	25	20	8	77	Khá	
72	24111010265	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		20	25	19	8	73	Khá	
73	24111010335	Lê Mai Anh	Thư	TT	26	25	25	17	94	XS	

70	24111010252	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang		28	25	19	15	87	Tốt	
71	24111010266	Nguyễn Mai Thuỳ	Trang		26	25	17	15	83	Tốt	
72	24111010259	Phan Thị Ngọc	Trinh		24	25	14	13	76	Khá	
73	24111010448	Lê Thị Mỹ	Trinh		28	25	22	15	90	XS	
74	24111010583	Trần Tú	Trinh		24	25	15	13	77	Khá	
75	24111010290	Nguyễn Ngọc Xuân	Trúc		26	25	19	13	83	Tốt	
76	24111010311	Vũ Thị Kiều	Vy		26	25	20	15	86	Tốt	
77	24111010523	Lương Ngọc Thảo	Vy		24	25	14	13	76	Khá	
78	24111010561	Phạm Ngô Tường	Vy	BT	26	25	25	20	96	XS	
79	24113020372	Trần Thị Thảo	Vy		24	25	14	13	76	Khá	
80	24111010683	Trần Thị Kim	Yến		24	25	13	13	75	Khá	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	19	24%
Tốt	32	40%
Khá	28	35%
TB	1	1%
Yếu	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



*(Handwritten signature of Tổng Văn Nam)*

*(Handwritten signature of Đỗ Thị Thu Phương)*

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 17A**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT, ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Hiệu Trường Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	24111010508	Nguyễn Đặng Ngọc	Ái		28	25	25	18	96	XS	
2	24111010292	Nguyễn Hoàng	An		24	25	11	13	73	Khá	
3	24111010439	Nguyễn Trần Thuý	An		28	25	19	15	87	Tốt	
4	24111010715	Nguyễn Thị Bình	An		26	25	15	13	79	Khá	
5	24111010093	Phan Ngọc Mai	Anh		26	25	17	15	83	Tốt	
6	24111010262	Nguyễn Ngọc Lan	Anh		26	25	25	13	89	Tốt	
7	24111010301	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh		26	25	18	12	81	Tốt	
8	24111010431	Nguyễn Ngọc	Bích		24	25	19	15	83	Tốt	
9	24111010392	Nguyễn Kim	Biên		28	25	18	13	84	Tốt	
10	24111010453	Nguyễn Thị Thái	Bình		22	25	14	13	74	Khá	
11	24111010384	Nguyễn Thị Hồng	Châu		26	25	22	15	88	Tốt	
12	24111010351	Ngư Thị Kim	Chung		22	25	24	15	86	Tốt	
13	24111010396	Nguyễn Quốc	Chương		28	25	25	15	93	XS	
14	24111010113	Lương Thị	Diệu		26	25	25	15	91	XS	
15	24111010348	Nguyễn Thị	Duyên		26	25	20	18	89	Tốt	
16	24111010446	Nguyễn Thị Anh	Đào		24	25	24	15	88	Tốt	
17	24111010269	Phan Nguyễn Quang	Đình		26	25	15	13	79	Khá	
18	24111010091	Nguyễn Ngọc Trà	Giang		26	25	16	13	80	Tốt	
19	24111010071	Nguyễn Thanh	Hải	UV	28	25	25	20	98	XS	
20	24111010547	Đào Huy	Hải		20	25	12	12	69	TB	
21	24111010385	Thân Thị Kiều	Hạnh		26	25	22	15	88	Tốt	
22	24111010315	Đặng Nguyễn Gia	Hân		28	25	22	15	90	XS	
23	24111010343	Nguyễn Gia	Hân		26	25	24	13	88	Tốt	
24	24111010493	Quách Thị Ngọc	Hân	LT	26	25	25	20	96	XS	
25	24111010391	Trần Min	Hi		28	25	23	15	91	XS	
26	24111010481	Trần Thị Kim	Hoa		28	25	25	15	93	XS	
27	24111010294	Bùi Việt	Hùng		28	25	19	13	85	Tốt	
28	24111010061	Nguyễn Tuấn	Hưng		26	25	13	13	77	Khá	
29	24111010628	Ngô Huỳnh	Hương		26	25	25	15	91	XS	
30	24111010581	Đỗ Thị Duy	Khánh		26	25	15	13	79	Khá	

31	24111010241	Trần Đăng	Khoa		26	25	17	15	83	Tốt	
32	24111010250	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		26	25	14	13	78	Khá	
33	24111010277	Nguyễn Thuỳ	Linh		26	25	19	13	83	Tốt	
34	24111010293	Hồ Thị Mai	Linh		26	25	25	15	91	XS	
35	24111010295	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh		26	25	14	13	78	Khá	
36	24111010308	Vũ Phạm Khánh	Linh		26	25	15	13	79	Khá	
37	24111010318	Nguyễn Thị Thùy	Linh		24	25	15	13	77	Khá	
38	24111010474	Nguyễn Thị Thùy	Linh		24	25	16	13	78	Khá	
39	24111010584	Nguyễn Thị Thanh	Mai		22	25	15	13	75	Khá	
40	24111010554	Huỳnh Nhật	Minh		26	25	14	15	80	Tốt	
41	24111010260	Nguyễn Thị Trà	My		26	25	25	15	91	XS	
42	24111010312	Lê Thị Triều	My		26	25	13	13	77	Khá	
43	24111010472	Võ Thị Diễm	My		26	25	17	13	81	Tốt	
44	24111010582	Đỗ Thanh	Ngân		26	25	15	13	79	Khá	
45	24111010586	Nguyễn Thị Thúy	Ngân		24	25	16	13	78	Khá	
46	24111010120	Ôn Tuyết	Nghi	UV	28	25	19	20	92	XS	
47	24111010251	Lại Mai Như	Ngọc		24	25	14	13	76	Khá	
48	24111010256	Huỳnh Chí	Nguyên		24	25	15	13	77	Khá	
49	24111010430	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi		26	25	17	13	81	Tốt	
50	24111010471	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi		26	25	16	13	80	Tốt	
51	24111010498	Nguyễn Xuân	Nhi		28	25	25	15	93	XS	
52	24111010214	Lê Quỳnh	Như		24	25	15	13	77	Khá	
53	24111010193	Trần Minh	Nhựt		26	25	16	15	82	Tốt	
54	24111010576	Võ Thành	Phát		24	25	15	13	77	Khá	
55	24111010205	Tôn Ngọc Kiều	Phương	BT	26	25	25	20	96	XS	
56	24111010333	Hoàng Thị Thanh	Phương		26	25	16	13	80	Tốt	
57	24111010562	Nguyễn Thị	Quy	UV	28	25	18	20	91	XS	
58	24111010424	Bùi Thị Minh	Tâm		28	25	19	15	87	Tốt	
59	24111010387	Ngô Văn	Tiến		26	25	18	13	82	Tốt	
60	24111010300	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		26	25	17	13	81	Tốt	
61	24111010470	Huỳnh Quốc	Thái		26	25	18	15	84	Tốt	
62	24111010224	Nguyễn Hữu	Thành	UV	26	25	23	20	94	XS	
63	24111010502	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		28	25	18	13	84	Tốt	
64	24111010552	Lương Lê Hiếu	Thuận		26	25	15	13	79	Khá	
65	24111010278	Nguyễn Thị Bích	Thuy		26	25	25	15	91	XS	
66	24111010556	Hồ Thị Thanh	Thúy		22	25	15	13	75	Khá	
67	24111010280	Nguyễn Việt Anh	Thư		24	25	16	13	78	Khá	
68	24111010304	Nguyễn Lê Anh	Thư		28	25	18	13	84	Tốt	
69	24111010419	Hoàng Thị Anh	Thư		26	25	14	13	78	Khá	

84	25111012091	Nguyễn Kim Phương	Thảo		22	25	23	15	85	Tốt	
85	25111011565	Nguyễn Ngọc Dạ	Thảo		22	25	13	11	71	Khá	
86	25111011694	Trịnh Bảo	Thi		22	25	14	12	73	Khá	
87	25111011788	Vũ Thị	Thu		26	25	16	13	80	Tốt	
88	25112012035	Phạm Thị Minh	Thu		26	25	11	10	72	Khá	
89	25111011724	Nguyễn Thị Anh	Thư		24	25	22	15	86	Tốt	
90	25111012074	Lâm Kiều Anh	Thư		24	25	17	13	79	Khá	
91	25111011910	Nguyễn Thị Minh	Thư		28	25	14	12	79	Khá	
92	25111011894	Đào Nguyễn Bảo	Thy		22	25	15	13	75	Khá	
93	25111012040	Đặng Yên	Trang		28	25	20	15	88	Tốt	
94	25111012056	Võ Thị Thu	Trang		24	25	13	11	73	Khá	
95	25111011667	Nguyễn Yên	Trang		28	25	19	15	87	Tốt	
96	25111011992	Mai Thị Thùy	Trang		24	25	11	10	70	Khá	
97	25111012090	Nguyễn Thị Khánh	Trâm		24	25	15	13	77	Khá	
98	25111011617	Nguyễn Ngọc	Trâm		24	25	11	10	70	Khá	
99	25111011930	Phan Thanh	Trúc		28	25	12	10	75	Khá	
100	25111011494	Nguyễn Thiên	Trường	LT	22	25	25	20	92	XS	
101	25111012095	Lại Thụy Ngọc	Vy		22	25	11	10	68	TB	
102	25111011742	Nguyễn Phương	Vy	TT	24	25	25	20	94	XS	
103	25111011687	Nguyễn Thị Thúy	Vy		28	25	21	15	89	Tốt	
104	25111011834	Phan Thị Thảo	Vy		26	25	11	10	72	Khá	
105	25111011938	Quách Phương	Vy		24	25	13	11	73	Khá	
106	25111011947	Phạm Thị Thảo	Vy		22	25	16	13	76	Khá	
107	25111011858	Phan Hải	Yên		26	25	14	11	76	Khá	
108	25111011976	Bùi Thị Ngọc	Yên		24	25	11	10	70	Khá	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	8	7%
Tốt	24	22%
Khá	57	53%
TB	19	18%
Yếu	0	0%
Tổng	108	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



NGUYỄN VĂN TÍNH

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 18C**

(Kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-CDYT, ngày: 17 tháng 04 năm 2026... Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	25111011680	Trần Thị Lan	Anh	LP	26	25	11	20	82	Tốt	
2	25111011807	Nguyễn Tuấn	Anh		26	25	14	10	75	Khá	
3	25111011808	Dương Ngọc Mai	Anh		26	25	15	10	76	Khá	
4	25111012144	Nguyễn Thị Lan	Anh		24	25	11	10	70	Khá	
5	25113021877	Tạ Thị Ngọc	Anh		26	25	19	15	85	Tốt	
6	25111011933	Phạm Lê Quỳnh	Anh		24	25	12	10	71	Khá	
7	25111011944	Nguyễn Ngọc	Anh		26	25	11	10	72	Khá	
8	25111012026	Nguyễn Trung	Bào	TT	26	25	21	20	92	XS	
9	25111011963	Nguyễn Hoài	Bào	PBT	28	25	25	20	98	XS	
10	25111011463	Dương Gia	Bào		20	25	11	10	66	TB	
11	25111011639	Bùi Ngọc	Bích		26	25	11	10	72	Khá	
12	25111012139	Điền Thị	Châu		22	25	15	12	74	Khá	
13	25111011555	Nguyễn Ngọc Kim	Chi		20	25	13	10	68	TB	
14	25111012049	Phạm Thị Thùy	Dung	UV Đ	22	25	15	18	80	Tốt	
15	25111011827	Bùi Ngọc	Duy		22	25	14	11	72	Khá	
16	25111011912	Thượng Thị Mỹ	Duyên		22	25	19	15	81	Tốt	
17	25111011653	Danh Thanh	Dương		24	25	16	13	78	Khá	
18	25111011826	Đoàn Thị Ánh	Dương		26	25	13	10	74	Khá	
19	25111012063	Nguyễn Tiến	Đạt		26	25	13	10	74	Khá	
20	25111011962	Lê Thị	Đình		28	25	20	15	88	Tốt	
21	25111011948	Lâm Tuấn	Đông		13	25	10	5	53	TB	
22	25111011721	Lê Xuân Bình	Giang		20	25	14	12	71	Khá	
23	25111012109	Lê Quang	Hải		20	25	12	10	67	TB	
24	25111011630	Nguyễn Trần Hồng	Hạnh	UV Đ	22	25	18	18	83	Tốt	
25	25113021547	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TP	24	25	16	18	83	Tốt	
26	25111022187	Nguyễn Thị Thu	Hằng		26	25	12	10	73	Khá	
27	25111012088	Nguyễn Thị Thu	Hằng		13	25	10	10	58	TB	
28	25111011991	Đình Thị Ngọc	Hân		28	25	12	13	78	Khá	
29	25111012038	Lê Thị Thu	Hậu		22	25	17	15	79	Khá	
30	25111011783	Mai Thị Thanh	Hiên		28	25	12	13	78	Khá	
31	25111012036	Lê Thị Mộng	Hoài		24	25	15	12	76	Khá	
32	25111011656	Điền Thị	Hoài		26	25	12	10	73	Khá	
33	25111012228	Nguyễn Thái	Hoàn		26	25	18	13	82	Tốt	
34	25111012118	Điền Thị	Hoành		24	25	12	10	71	Khá	
35	25111012154	Hoàng Thế	Huy		28	25	11	13	77	Khá	
36	25111012047	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		24	25	11	10	70	Khá	

37	25111011683	Trần Thu	Huyền		26	25	25	15	91	XS	
38	25111012212	Nguyễn Văn	Kiệt		22	25	11	10	68	TB	
39	25111012128	Bùi Hoàng	Kha		26	25	13	11	75	Khá	
40	25111012092	Nguyễn Tuấn	Khoa		13	25	10	10	58	TB	
41	25111012087	Trần Hồng	Lam		26	25	11	10	72	Khá	
42	25111011805	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	UV Đ	24	25	13	11	73	Khá	
43	25111011561	Phùng Thị Ngọc	Lan	LP	28	25	23	20	96	XS	
44	25111011815	Nguyễn Trần Bảo	Linh	TP	28	25	14	15	82	Tốt	
45	25111011806	Nguyễn Thanh	Lời		24	25	11	10	70	Khá	
46	25111012085	Trác Nghĩa Hoài	Lưu	TT	26	25	21	20	92	XS	
47	25111012037	Nguyễn Ngọc Trúc	Ly		22	25	17	13	77	Khá	
48	25111012071	Phạm Tiêu	Mẫn		22	25	11	10	68	TB	
49	25111012124	Nguyễn Ngọc Trà	My		22	25	12	10	69	TB	
50	25111011575	Phan Thị Yên	My		22	25	16	13	76	Khá	
51	25111012229	Trần Thị Diễm	My		24	25	11	10	70	Khá	
52	25111012231	Đinh Thị Diễm	My		20	25	25	15	85	Tốt	
53	25111012134	Kheo Thảo	Nam		20	25	11	10	66	TB	
54	25111012115	Hoàng Ngọc	Nga		26	25	14	12	77	Khá	
55	25111012116	Nguyễn Thị Kim	Nga		26	25	21	15	87	Tốt	
56	25111011922	Lê Thị Thúy	Nga		26	25	22	15	88	Tốt	
57	25111012142	Nguyễn Kim	Ngân		26	25	24	15	90	XS	
58	25111012174	Danh Ngọc Bảo	Nghi		26	25	13	10	74	Khá	
59	25111011925	Lý Huỳnh Phương	Nghi		22	25	15	13	75	Khá	
60	25111022130	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		22	25	16	13	76	Khá	
61	25111012080	Dương Thị Thu	Nguyên		28	25	16	15	84	Tốt	
62	25111011446	Dương Trần Minh	Nguyên		24	25	14	11	74	Khá	
63	25111012152	Nguyễn Anh	Nhật		20	25	12	10	67	TB	
64	25111012068	Trịnh Thảo	Nhi		22	25	12	10	69	TB	
65	25111012195	Nguyễn Quỳnh	Như		24	25	17	14	80	Tốt	
66	25111011923	Văn Thị Tuyết	Như	TT	26	25	18	20	89	Tốt	
67	25111012078	Doãn Thị Thu	Phương		24	25	12	10	71	Khá	
68	25111011809	Vũ Thị	Phượng		22	25	11	10	68	TB	
69	25111011993	Võ Ngọc Tú	Quyên		22	25	11	10	68	TB	
70	25111012147	Điền Thị Phương	Quyên		24	25	12	10	71	Khá	
71	25111011999	Phạm Thị Diệu	Quỳnh		22	25	13	10	70	Khá	
72	25111011804	Đinh Quốc	Rin		24	25	13	11	73	Khá	
73	25111011444	Mai Bách	Sang		22	25	22	15	84	Tốt	
74	25111012015	Cao Tấn	Tài		24	25	15	13	77	Khá	
75	25111012032	Nguyễn Minh	Tân		22	25	11	10	68	TB	
76	25111011820	Huỳnh Văn	Tấn		20	25	14	12	71	Khá	
77	25111011913	Vương Thị Mỹ	Tiên		22	25	16	13	76	Khá	
78	25111011671	Nguyễn Thị Thanh	Tinh	BT	22	25	22	20	89	Tốt	
79	25111011953	Phạm Tiên	Tuân		20	25	11	10	66	TB	
80	25112011779	Võ Thị Ngọc	Tuyền		28	25	16	13	82	Tốt	
81	25111011652	Danh Sơn	Tha		20	25	17	15	77	Khá	
82	25111011728	Trần Thanh	Thái		13	25	10	5	53	TB	
83	25111012023	Nguyễn Huỳnh Kim	Thanh		22	25	11	10	68	TB	

75	25111011885	Phạm Anh	Thư		24	25	25	15	89	Tốt	
76	25111011919	Nguyễn Thị	Thư		24	25	20	11	80	Tốt	
77	25111011360	Bùi Nguyễn Minh	Thư		18	25	17	10	70	Khá	
78	25111011934	Võ Thị Ái	Thy		24	25	16	10	75	Khá	
79	25111011731	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	TT	20	25	15	15	75	Khá	
80	25111011902	Nguyễn Thị Ánh	Trinh		24	25	25	11	85	Tốt	
81	25111011453	Ngô Quốc	Vương	LP	28	25	25	20	98	XS	
82	25111011926	Phan Hoàng Như	Ý		19	25	20	9	73	Khá	
83	25111011708	Nguyễn Thị Hải	Yến		24	25	16	10	75	Khá	
84	25111011777	Vũ Hoàng Hải	Yến		18	25	19	8	70	Khá	

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	18	21%
Tốt	35	42%
Khá	26	31%
TB	5	6%
Yếu	0	0%
Tổng	84	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026



**TP.CTHSSV**

**NGƯỜI TỔNG HỢP**

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

**NGUYỄN VĂN TÍNH**

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 18B**

(Kèm theo Quyết định số: 280 /QĐ-CDYT, ngày... 17... tháng 04... năm 2026.. Của Hiệu Trường  
Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	25111011727	Nguyễn Thị Lan	Anh		24	25	18	10	77	Khá	
2	25111012029	Trịnh Trần Quang	Anh	Bí thư	23	25	25	25	98	XS	
3	25111011909	Hồ Nguyễn Hồng	Anh	TT	24	25	20	16	85	Tốt	
4	25111011492	Đoàn Quỳnh	Anh		24	25	25	15	89	Tốt	
5	25111012007	Phạm Hồng	Ánh		26	25	24	15	90	XS	
6	25111011768	Nguyễn Thị Hồng	Ánh		20	25	22	13	80	Tốt	
7	25111011663	Nguyễn Phan Gia	Bảo		24	25	14	9	72	Khá	
8	25111011530	Trần Thị Kim	Cương		26	25	23	12	86	Tốt	
9	25111011822	Lương Thị Huyền	Diệu		22	25	20	8	75	Khá	
10	25111011903	Huỳnh Thùy	Dương		22	25	17	10	74	Khá	
11	25111011980	Nguyễn Thị Thùy	Dương		16	25	25	15	81	Tốt	
12	25111011964	Trần Văn	Đạt		20	25	25	15	85	Tốt	
13	25111011899	Ngô Hoàng	Đức	UV	26	25	11	18	80	Tốt	
14	25111011916	Nguyễn Ngọc	Hà		22	25	15	8	70	Khá	
15	25111011889	Lê Gia	Hân		24	25	21	11	81	Tốt	
16	25111011616	Điều Thị	Hậu		28	25	22	12	87	Tốt	
17	25111011787	Trịnh Minh	Hiền		28	25	25	15	93	XS	
18	25111011821	Nguyễn Trương Văn	Hiếu		22	25	20	11	78	Khá	
19	25111011914	Trần Đỗ Minh	Hiếu		22	25	10	10	67	TB	
20	25111011676	Lê Thị Thanh	Huyền		28	25	20	10	83	Tốt	
21	25111011795	Trần Ngọc	Huyền		28	25	25	15	93	XS	
22	25111011871	Hà Thị Thanh	Huyền		20	25	20	11	76	Khá	
23	25111011819	Bùi Thị Thu	Hương		30	25	25	15	95	XS	
24	25111011773	Đào Sỹ	Khang	PBT	24	25	25	23	97	XS	
25	25111011879	Vũ Đăng	Khoa		23	25	25	12	85	Tốt	
26	25111011659	Trịnh Thị Thúy	Lan		30	25	25	15	95	XS	
27	25111011600	Nguyễn Huỳnh Bảo	Linh		24	25	20	8	77	Khá	
28	25111011632	Triệu Yên	Linh		28	25	23	12	88	Tốt	
29	25111011928	Nguyễn Thị Trúc	Linh	TT	24	25	20	17	86	Tốt	
30	25111011983	Phạm Hoàng Trúc	Linh		26	25	20	11	82	Tốt	
31	25113021518	Phạm Trần Tấn	Lộc	UV	25	25	22	18	90	XS	
32	25111011954	Đỗ Khánh	Ly		24	25	25	13	87	Tốt	

33	25111011517	Nguyễn Thị Thu	Lý	LP	30	25	25	20	100	XS	
34	25111011743	Nguyễn Xuân	Mai		26	25	22	12	85	Tốt	
35	25111011532	Lê Thị	Mận		26	25	25	12	88	Tốt	
36	25111011690	Dương Thị Trà	My		20	25	21	11	77	Khá	
37	25111011830	Lê Hồng	My		24	25	22	11	82	Tốt	
38	25111011924	Đỗ Thị Kiều	My		28	25	17	10	80	Tốt	
39	25111011520	Trần Thị Trà	My		24	25	21	10	80	Tốt	
40	25111011481	Dương Nhật	Nam		21	25	15	9	70	Khá	
41	25111011784	Trần Thị	Nuôi		22	25	22	12	81	Tốt	
42	25111011497	Nguyễn Ngọc Quy	Ny		21	25	18	10	74	Khá	
43	25111011633	Lê Ngọc	Nga		24	25	22	11	82	Tốt	
44	25111011490	Nguyễn Thị Thúy	Nga		25	25	22	11	83	Tốt	
45	25111011813	Nguyễn Phan Kim	Ngân		20	25	15	10	70	Khá	
46	25111011901	Huỳnh Thị Thu	Ngân		24	25	21	10	80	Tốt	
47	25111011589	Trần Ngô Như	Ngọc		19	25	10	10	64	TB	
48	25111011882	Dương Thị Bích	Ngọc		22	25	22	11	80	Tốt	
49	25112011654	Thượng Thị Hồng	Ngọc		22	25	20	8	75	Khá	
50	25111011935	Phùng Thị Tuyết	Nhi	LT	30	25	25	20	100	XS	
51	25111011946	Hoàng Yến	Nhi		20	25	8	10	63	TB	
52	25111011961	Nguyễn Hà Huỳnh	Như		24	25	18	8	75	Khá	
53	2511011709	Lê Thị Huỳnh	Như		24	25	19	10	78	Khá	
54	25111011512	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Như	TT	28	25	24	17	94	XS	
55	25111012190	Lê Thị Kim	Oanh		26	25	18	12	81	Tốt	
56	25111011797	Trần Hoàng	Phúc		23	25	10	10	68	TB	
57	25111011558	Thân Hoàng	Phúc		24	25	25	12	86	Tốt	
58	25111011940	Đỗ Minh	Phụng		22	25	14	9	70	Khá	
59	25111012001	Vũ Thu	Phương		22	25	17	10	74	Khá	
60	25111011811	Nguyễn Thị Hồng	Phượng		24	25	25	15	89	Tốt	
61	25111011749	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên		26	25	25	15	91	XS	
62	25111012016	Chu Diễm	Quỳnh		22	25	10	10	67	TB	
63	25111011772	Nguyễn Thùy	Tiên		28	25	24	13	90	XS	
64	25111011884	Mã Võ Thùy	Tiên		24	25	21	12	82	Tốt	
65	25111011905	Nguyễn Hoàng Minh	Tú		25	25	25	15	90	XS	
66	25111011971	Văn Ngọc Lan	Thanh	UV	26	25	25	18	94	XS	
67	25111011601	Nguyễn Phương	Thảo		28	25	25	15	93	XS	
68	25111011915	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		20	25	18	10	73	Khá	
69	25111011531	Phạm Thị	Thảo		21	25	18	10	74	Khá	
70	25111012167	Phạm Thị	Thắm		24	25	25	15	89	Tốt	
71	25111011699	Huỳnh Trung	Thuận		23	25	21	11	80	Tốt	
72	25111011706	Võ Anh	Thư		26	25	25	15	91	XS	
73	25111011628	Bùi Anh	Thư		20	25	15	10	70	Khá	
74	25111011754	Đặng Anh	Thư		22	25	23	11	81	Tốt	

87	25111011852	Trần Ngọc Như	Ý		21	25	10	10	66	TB	
----	-------------	---------------	---	--	----	----	----	----	----	----	--

Loại	SL	Tỉ lệ
XS	6	7%
Tốt	24	28%
Khá	39	45%
TB	18	21%
Yếu	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>87</b>	<b>100%</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG

TP.CTHSSV

NGƯỜI TỔNG HỢP



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Tổng Văn Nam

Đỗ Thị Thu Phương

NGUYỄN VĂN TÍNH

**BẢNG ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 18A**

(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-CDYT, ngày... tháng... năm... của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

STT	MÃ SV	HỌ	TÊN	Chức vụ	4 TIÊU CHÍ				Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					TC1 (30đ)	TC2 (25đ)	TC3 (25đ)	TC4 (20đ)			
1	25111011608	Nguyễn Thúy	An		26	25	10	10	71	Khá	
2	25111011545	Nguyễn Thị Thùy	An		23	25	14	11	73	Khá	
3	25111011581	Doãn Thị Phương	Anh		20	25	10	8	63	TB	
4	25111011622	Nguyễn Phạm Nhã	Anh		24	25	20	13	82	Tốt	
5	25111011735	Cao Thị Vân	Anh		26	25	22	15	88	Tốt	
6	25111011460	Nông Ngọc Hoàng	Anh	TT	28	25	23	20	96	XS	
7	25111011501	Ngô Quỳnh	Anh		24	25	23	14	86	Tốt	
8	25111011745	Nguyễn Thị Hồng	Ánh		26	25	10	10	71	Khá	
9	25111011587	Danh Xà	Banh		22	25	13	12	72	Khá	
10	25111011715	Nguyễn Hoàng Khánh	Băng		23	25	20	15	83	Tốt	
11	25111011802	Trần Văn	Chung		20	25	20	15	80	Tốt	
12	25111011891	Điền Thị	Diêng		23	25	10	10	68	TB	
13	25111011737	Phạm Thị Xuân	Diệu	TT	21	25	13	15	74	Khá	
14	25111011571	Trần Ngọc	Diệu		20	25	16	12	73	Khá	
15	25111011712	Huỳnh Công	Dũng		24	25	20	15	84	Tốt	
16	25111011714	Nguyễn Tường	Duy		20	25	14	12	71	Khá	
17	25111011847	Đỗ Văn	Dương		24	25	10	10	69	TB	
18	25111011848	Lưu Hoàng	Đạt		23	25	17	12	77	Khá	
19	25111011856	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		24	25	13	10	72	Khá	
20	25111011678	Phương Thị Thanh	Hiền		24	25	20	15	84	Tốt	
21	25111011448	Trịnh Thị Thu	Hiền		28	25	23	15	91	XS	
22	25111011631	Trần Đức	Hiếu		22	25	20	15	82	Tốt	
23	25111011540	Đoàn Diễm	Hồng		26	25	20	15	86	Tốt	
24	25111011553	Nguyễn Phi	Hùng		26	25	10	10	71	Khá	
25	25111011870	Lê Quốc	Huy		24	25	15	10	74	Khá	
26	25111011662	Lê Khánh	Huyền		26	25	10	10	71	Khá	
27	25111011537	Ngô Hoàng Mỹ	Huyền	LPHT	26	25	21	20	92	XS	
28	25111011693	Nguyễn Oanh	Kiều		26	25	16	13	80	Tốt	
29	25111011586	Đương Thiên	Kim		24	25	25	15	89	Tốt	
30	25111011790	Nguyễn Nhật	Khang		20	25	10	10	65	TB	
31	25111011818	Nguyễn Tiến	Khoa		28	25	10	10	73	Khá	
32	25111011893	Phạm Hồng Minh	Khuê		24	25	17	13	79	Khá	
33	25111011761	Cao Vi Thùy	Linh		26	25	13	12	76	Khá	
34	25111011782	Nguyễn Huỳnh	Lộc		23	23	10	10	66	TB	
35	25111012149	Huỳnh Minh	Luân		22	25	13	12	72	Khá	
36	25111011800	Trần Nguyễn Xuân	Mai	LT	24	25	22	20	91	XS	
37	25111011866	Nguyễn Trần Ngọc	Mai	LPĐS	28	25	10	18	81	Tốt	

38	25111011509	Lê Thị Trúc	Mai		21	25	22	15	83	Tốt	
39	25111011573	Nguyễn Hoàng	Minh		19	25	10	10	64	TB	
40	25111011580	Trần Thị Diễm	My		24	25	24	15	88	Tốt	
41	25111011796	Phạm Nguyễn Hồng	My		22	25	10	10	67	TB	
42	25111011840	Tô Thị Trà	My		26	25	19	13	83	Tốt	
43	25111011534	Trần Hoàng Huyền	My		26	25	10	10	71	Khá	
44	25111011860	Trương Nguyễn Hoàng	Mỹ		17	25	10	8	60	TB	
45	25111012179	Đỗ Ni	Na		25	25	10	10	70	Khá	
46	25112011988	Đoàn Thị Kim	Ngân		20	25	16	12	73	Khá	
47	25111011272	Phạm Thị Kim	Ngân		24	25	19	12	80	Tốt	
48	25111011535	Nguyễn Lê Thanh	Ngân		24	25	20	15	84	Tốt	
49	25113021764	Nguyễn Hạo	Nguyễn		22	25	22	15	84	Tốt	
50	25111011763	Đặng Hoàng	Nhật		20	25	12	10	67	TB	
51	25111011685	Trịnh Ái	Như		24	25	13	8	70	Khá	
52	25111011876	Lê Nguyễn Quỳnh	Như		22	25	16	12	75	Khá	
53	25111011677	Lê Thành	Phát		26	25	10	10	71	Khá	
54	25111011713	Trương Thanh	Phong		26	25	10	10	71	Khá	
55	25111011716	Trần Thanh	Phong		24	25	16	12	77	Khá	
56	25111011762	Phạm Thị Thu	Phương		26	25	20	10	81	Tốt	
57	25111011726	Chương Phú	Quý		22	25	25	20	92	XS	
58	25111011757	Phạm Ngọc	Quyên		16	24	10	10	60	TB	
59	25111011521	Trần Thị Như	Quỳnh		24	25	12	10	71	Khá	
60	25111011886	Đào Thị Thủy	Tiên		24	25	20	13	82	Tốt	
61	25111011359	Nguyễn Thị Thủy	Tiên		28	25	17	12	82	Tốt	
62	25111011551	Lê Thị Cẩm	Tiên		23	25	14	8	70	Khá	
63	25111011702	Ngô Thị Ngọc	Tú		22	25	13	10	70	Khá	
64	25111011363	Huỳnh Cẩm	Tú		24	25	19	12	80	Tốt	
65	25111011700	Thái Minh	Thảo		22	25	15	12	74	Khá	
66	25111011441	Phan Minh	Thiện		26	25	10	10	71	Khá	
67	25111011476	Trịnh Nam	Thuận	PBT	25	25	25	18	93	XS	
68	25111011765	Trần Thị Mai	Thư		21	25	10	10	66	TB	
69	25111011282	Đoàn Kim	Thư		26	25	13	10	74	Khá	
70	25111011364	Phạm Trần Anh	Thư		28	25	15	12	80	Tốt	
71	25111011747	Nguyễn Biện Thy	Thy		23	25	15	12	75	Khá	
72	25111011607	Nguyễn Huỳnh Thùy	Trang		23	25	15	10	73	Khá	
73	25111011638	Huỳnh Thị Ngọc	Trang		24	25	15	10	74	Khá	
74	25111011755	Hồ Ngọc Uyên	Trang		23	25	15	12	75	Khá	
75	25111011689	Lê Thị	Trang		22	25	13	10	70	Khá	
76	25111011875	Trần Thùy	Trang		24	25	15	12	76	Khá	
77	25111011514	Vũ Thị Thu	Trang		24	25	10	10	69	TB	
78	25111011767	Hồ Thị Ngọc	Trâm		20	25	10	10	65	TB	
79	25111011649	Nguyễn Cao	Trí		22	25	12	12	71	Khá	
80	25111011624	Nguyễn Văn	Trọng		22	25	14	12	73	Khá	
81	25111011578	Phan Nguyễn Thanh	Trúc		22	25	10	10	67	TB	
82	25111011781	Lê Thị Thanh	Trúc		19	25	10	10	64	TB	
83	25111011837	Trần Thanh	Trúc		21	25	12	10	68	TB	
84	25111011606	Phan Thị Thanh	Vy		24	25	18	13	80	Tốt	
85	25111011657	Trần Triệu	Vy		24	25	11	10	70	Khá	
86	25111011824	Trần Thị Như	Ý		20	25	12	7	64	TB	